

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT
KHÓA 2022

TP. Hồ Chí Minh, tháng/2022

MỤC LỤC

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	2
I.1. Giới thiệu chương trình đào tạo	2
I.2. Thông tin chung	4
I.3. Triết lý giáo dục, Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu, Giá trị cốt lõi của Trường.....	4
I.4 Sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Khoa	5
I.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)	6
I.5.1. Mục tiêu chung	6
I.5.2. Mục tiêu cụ thể	7
I.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs).....	8
I.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp	9
I.8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	11
I.8.1. Tiêu chí tuyển sinh	11
I.8.2. Quá trình đào tạo	12
I.8.3. Điều kiện tốt nghiệp	12
1.9.1. Chiến lược dạy học trực tiếp.....	13
1.9.2. Chiến lược dạy học gián tiếp	14
1.9.3. Học trải nghiệm.....	14
1.9.4. Dạy học tương tác.....	15
1.9.5. Tự học	16
I.10. Phương pháp đánh giá.....	16
I.11. Hệ thống tính điểm.....	18
II. 1. Cấu trúc chương trình: Chương trình giảng dạy gồm 6 khối kiến thức (theo bảng 2.1):	19
II.2. Danh sách các học phần.....	21
II.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 41 TC	21
II.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (86 Tín chỉ).....	24
II.2.3. Kiến thức tốt nghiệp (9 Tín chỉ):.....	30
II.2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT	31
II.2.5. Kế hoạch giảng dạy dự kiến.....	37
II.2.6. Bảng phân công giảng dạy dự kiến.....	41

II.2.7. Mô tả các học phần:	56
1. Triết học Mác – Lênin: 03 tín chỉ.....	56
2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin: 02 tín chỉ.....	57
3. Chủ nghĩa xã học khoa học: 02 tín chỉ	57
4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 02 tín chỉ	57
5. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 02 tín chỉ	58
6. Tiếng Anh cơ bản 1: 03 tín chỉ.....	58
7. Tiếng Anh cơ bản 2: 03 tín chỉ.....	58
8. Tiếng Anh cơ bản 3: 03 tín chỉ.....	59
9. Tin học đại cương: 03 tín chỉ	59
11. Logic học đại cương: 02 tín chỉ.....	59
12. Kinh tế học: 3 tín chỉ	60
13. Quan hệ kinh tế quốc tế: 3 tín chỉ.....	60
14. Lý luận về nhà nước và pháp luật: 3 tín chỉ	61
15. Nhập môn Luật học: 2 tín chỉ.....	61
16. Luật an sinh xã hội: 2 tín chỉ.....	61
17. Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý: 2 tín chỉ	62
18. Tâm lý học Tội phạm: 02 tín chỉ.....	62
19. Lịch sử học thuyết kinh tế: 02 tín chỉ.....	63
20. Lịch sử học thuyết chính trị: 02 tín chỉ	63
21. Luật Dân sự 1: 03 tín chỉ.....	63
22. Luật Dân sự 2: 03 tín chỉ.....	63
23. Luật tố tụng dân sự: 3 tín chỉ.....	64
24. Luật Hiến pháp: 03 tín chỉ.....	64
25. Luật hành chính: 3 tín chỉ.....	65
26. Luật Hình sự 1: 2 tín chỉ.....	65
27. Luật Hình sự phân các tội phạm cụ thể: 2 tín chỉ.....	65
28. Luật tố tụng hình sự: 2 tín chỉ	66
29. Tư duy pháp lý: 02 tín chỉ	66
30. Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng: 02 tín chỉ	66
31. Giáo dục thực hành pháp luật: 02 tín chỉ	67

32. Xã hội học pháp luật: 02 tín chỉ	67
33. Luật Thương mại 1: 02 tín chỉ.....	68
34. Luật Thương mại 2: 02 tín chỉ.....	68
35. Công pháp quốc tế: 2 tín chỉ.....	68
36. Tư pháp quốc tế: 2 tín chỉ.....	68
37. Luật lao động; 3 tín chỉ	69
38. Pháp luật tài chính doanh nghiệp: 2 tín chỉ	69
39. Luật so sánh: 2 tín chỉ	69
40. Pháp luật về chứng khoán: 2 tín chỉ	70
41. Luật kinh doanh bất động sản: 2 tín chỉ	70
42. Pháp luật về công chứng, luật sư và thừa phát lại: 2 tín chỉ.....	70
43. Luật Hôn nhân và gia đình: 2 tín chỉ.....	71
44. Luật Tổ tụng hành chính: 2 tín chỉ	71
45. Luật đầu tư: 2 tín chỉ	71
46. Luật đất đai: 2 tín chỉ.....	72
47. Luật Thương mại Quốc tế: 2 tín chỉ.....	72
48. Luật sở hữu trí tuệ: 2 tín chỉ	72
49. Pháp luật về giao dịch bảo đảm: 2 tín chỉ	73
50. Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: 03 tín chỉ.....	73
51. Tội phạm học: 02 tín chỉ	73
52. Án lệ và áp dụng án lệ: 02 tín chỉ.....	73
53. Luật Quốc tế về quyền con người: 02 tín chỉ	74
54. Luật Thi hành án dân sự: 02 tín chỉ.....	74
55. Pháp luật thanh tra và khiếu nại tố cáo: 02 tín chỉ	74
56. Pháp luật về phòng chống tham nhũng: 02 tín chỉ	74
57. Luật Hình sự quốc tế: 02 tín chỉ.....	75
58. Luật Biển quốc tế hiện đại: 02 tín chỉ	75
59. Tiếng Anh pháp lý trong lĩnh vực luật công: 3 tín chỉ	75
60. Tiếng Anh pháp lý trong lĩnh vực luật tư: 3 tín chỉ.....	76
61. Tiếng Anh pháp lý trong lĩnh vực tố tụng và giải quyết tranh chấp: 3 tín chỉ	76
62. Soạn thảo và dịch thuật văn bản pháp lý: 2 tín chỉ.....	77

63. Luật môi trường: 2 tín chỉ	77
64. Luật ngân hàng: 2 tín chỉ.....	77
65. Pháp luật thương mại điện tử: 2 tín chỉ	78
66. Luật Kinh doanh bảo hiểm: 2 tín chỉ.....	78
67. Luật Bình đẳng giới: 2 tín chỉ	78
68. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng: 2 tín chỉ	79
69. Pháp luật về luật sư, kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng: 2 tín chỉ.....	79
70. Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế, tài chính doanh nghiệp: 2 tín chỉ.....	79
71. Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực đất đai: 2 tín chỉ.....	79
72. Kỹ năng giải quyết các tranh chấp dân sự, thương mại bằng trọng tài: 2 tín chỉ.....	80
73. Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án hành chính: 2 tín chỉ	80

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC
TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số 723/QĐ-ĐNT ngày 23/6/2022
của Hiệu trưởng trường đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh)*

Tên chương trình : **LUẬT**
Trình độ đào tạo : **ĐẠI HỌC**
Ngành đào tạo : **LUẬT HỌC**
Mã ngành : **7380101**
Loại hình đào tạo : **CHÍNH QUY**

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

TRƯỞNG KHOA



Bùi Kim Hiếu

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Bối cảnh hội nhập kinh tế - xã hội đặt ra nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao, được đào tạo bài bản trong lĩnh vực pháp lý. Tất cả mọi người, trong tất cả các lĩnh vực từ kinh tế đến văn hóa, giáo dục cũng như khoa học, công nghệ, môi trường đều cần có hiểu biết nhất định về pháp luật. Chính vì lí do đó, ngành luật hiện nay đang thu hút đông đảo người dân ở mọi tầng lớp, đặc biệt là các bạn trẻ theo học bởi đây là ngành học có tiềm năng phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

Ngành luật là một ngành tương đối rộng. Đây là đơn vị cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật. Bao gồm các quy định pháp luật điều chỉnh một loại quan hệ xã hội có cùng tính chất, nội dung thuộc lĩnh vực đời sống xã hội nhất định.

Nhu cầu nhân lực không ngừng tăng lên

Kinh tế ngày càng phát triển, xã hội ngày càng văn minh đồng nghĩa với con người sống và làm việc luôn cần đến pháp luật. Pháp luật điều chỉnh mọi mặt đời sống xã hội, từ hành vi tham gia giao thông của người dân cho đến ngồi vào bàn đàm phán ký kết hợp đồng bạc tỉ của doanh nghiệp. Nhu cầu tìm hiểu pháp luật của người dân tăng cao hơn cho thấy ngành luật đang dần *trở thành một trong những ngành nghề phổ biến và không thể thiếu trong các xã hội hiện đại.*

Trong đời sống xã hội, pháp luật là một công cụ quản lý xã hội đặc biệt, bảo đảm cho sự tồn tại và vận hành bình thường của xã hội. Không có ngành nghề nào trong xã hội hiện nay không cần đến những kiến thức về pháp luật. Trước thực tế đó cùng với làn sóng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao “Lao động trí thức ngành luật” ngày càng trở nên cấp thiết.

Cơ hội việc làm rộng mở

Trong một xã hội hiện đại, bên cạnh việc biết nhiều ngoại ngữ, thành thạo kỹ năng công nghệ 4.0 thì am hiểu pháp luật là một trang bị vô cùng quý giá. Ở các nước phương Tây, tầm bằng luật đồng nghĩa với sức mạnh trí tuệ, uy tín xã hội và trên hết là một mức lương tuyệt vời. Trong môi trường đại học, sinh viên luật là hiện thân của giới học thức,

rất được kính trọng và chào đón. Ở Việt Nam, luật là một ngành đào tạo nhận được sự quan tâm vô cùng lớn từ xã hội.

Có thể nói, ngành Luật là một trong những ngành mà sinh viên sau khi tốt nghiệp có cơ hội tìm kiếm việc làm rất cao. Bởi vì, công việc liên quan đến luật rất nhiều. Người học luật có thể làm việc trong nhiều cơ quan nhà nước, đặc biệt là hệ thống tòa án, viện kiểm sát, cơ quan tư pháp... Người học luật trở thành luật sư tư vấn, luật sư tranh tụng độc lập làm việc trong các văn phòng luật sư và kí hợp đồng vụ việc với các khách hàng có nhu cầu. Người học luật cũng có thể trở thành giảng viên giảng dạy trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp. Người học luật cũng có thể trở thành chuyên viên pháp chế cho các doanh nghiệp, tập đoàn, công ty...

Thu nhập tốt

Theo Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động TP. Hồ Chí Minh, giai đoạn năm 2020 – 2025, lao động ngành luật có mức lương bình quân trên 15 triệu đồng/tháng. Đặc biệt, mức lương đãi ngộ cho các vị trí pháp lý tại các doanh nghiệp hoặc công ty luật có 7-10 năm kinh nghiệm có thể dao động từ 30 triệu đồng đến hơn 95 triệu đồng/tháng. Một trong những con đường ngắn nhất để dẫn đến thành công trong lĩnh vực này đó chính là một môi trường học tập chuyên nghiệp và bài bản.

Ngành Luật được đào tạo ở nhiều trường như Đại học Luật Hà Nội, Đại học Luật Tp.HCM, Viện Đại học Mở Hà Nội, Đại học Kinh tế Tp.HCM, Trường Đại học Kinh tế - Luật... Học tại HUFLIT, các bạn sẽ được học tập, sinh hoạt trong điều kiện cơ sở vật chất tốt nhất, lớp học giới hạn sĩ số, tương tác hiệu quả với các giảng viên giàu kinh nghiệm trong hành nghề luật, đặc biệt là các lĩnh vực của Khoa học pháp lý.

Bên cạnh chương trình học được cập nhật thường xuyên theo tiêu chuẩn các đại học hàng đầu thế giới, sinh viên ngành Luật còn được lĩnh hội đầy đủ khối kiến thức về pháp luật trong lĩnh vực kinh tế, kỹ năng tranh tụng tại các tòa án, trọng tài thương mại quốc tế, khả năng sử dụng ngôn ngữ chuyên môn, kỹ năng đàm phán, tư duy logic, ... nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong quá trình thực hành nghề nghiệp khi ra trường. Đặc biệt, ngay từ năm thứ hai, sinh viên ngành Luật của HUFLIT đã có thể trực tiếp tham gia học việc, trải nghiệm thực tiễn tại các công ty Luật, Bộ phận tư vấn luật trực thuộc các doanh nghiệp, tổ chức

kinh tế. Song song đó, sinh viên Luật còn được trang bị tốt ngoại ngữ, đặc biệt là sử dụng thành thạo tiếng Anh chuyên về pháp lý để có thể trở thành các luật gia, trọng tài viên, các nhà hòa giải chuyên nghiệp trong môi trường thương mại toàn cầu.

Theo nhận định của các chuyên gia, Tp. HCM là địa bàn sôi động nhất của nghề luật. Đây chính là cánh cửa rộng mở để sinh viên Luật đi đến những vị trí công việc hấp dẫn trong tương lai.

I.2. Thông tin chung

Bảng 1.1. Thông tin chung

STT	Mục thông tin	Nội dung
1	Tên chương trình	Luật
2	Bậc	Đại học
3	Loại bằng	TNĐH/Cử nhân
4	Mã ngành	7380101
5	Loại hình đào tạo	Chính quy
6	Thời gian đào tạo	3.5 năm
7	Số tín chỉ	136 tín chỉ (không tính Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)
8	Đơn vị quản lý	Khoa Luật
9	Website	Huflit.edu.vn
10	Điện thoại	(028) 38632052 (120)
11	Ngày ban hành/.../2022

I.3. Triết lý giáo dục, Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu, Giá trị cốt lõi của Trường GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

- **Triết lý giáo dục**

Mưu cầu hạnh phúc và tự do dựa trên nền tảng đạo đức và trí tuệ

- **Sứ mạng**

Sứ mạng của HUFLIT là đào tạo những con người có khả năng học tập suốt đời để trở thành công dân toàn cầu, thích nghi và đóng góp tích cực cho xã hội luôn thay đổi, có ý thức phát triển bản thân, đặc biệt là ngoại ngữ và tin học, thông qua các trải nghiệm thực tế.

- **Tầm nhìn**

HUFLIT hướng đến phụng sự xã hội bằng những con người năng động, sáng tạo, có tâm và tầm; biết yêu thương, trân trọng cuộc sống; có khả năng làm mới chính mình; đạt được hạnh phúc & tự do bằng trí tuệ và đạo đức.

- **Giá trị cốt lõi**

ĐOÀN KẾT - HỢP TÁC - KỶ CƯƠNG - CHẤT LƯỢNG - PHÁT TRIỂN

- **Giá trị dài hạn:**

BỨT PHÁ – TỰ DO – BỀN VỮNG

- **Giá trị văn hóa:**

TỬ TẾ – HỌC TẬP

- **Khẩu hiệu hành động:**

CHÍNH TRỰC – HỢP TÁC – TRÁCH NHIỆM

I.4 Sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Khoa

- **Sứ mạng**

Đào tạo ra những cử nhân Luật có kiến thức và kỹ năng hành nghề tư vấn, phát triển và quản lý doanh nghiệp, đàm phán, soạn thảo, ký kết hợp đồng, thực hiện chức năng của chuyên gia pháp lý tại các doanh nghiệp, có thể độc lập đưa ra đề xuất giải quyết tình huống pháp lý trong kinh doanh, nắm vững các thao tác nghiệp vụ khi doanh nghiệp tham gia vào các vụ tố tụng phát sinh từ hoạt động kinh doanh.

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Luật tốt nghiệp tại Khoa Luật có thể:

- *Nhóm 1:* Làm việc trong các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương trong hệ thống lập pháp, hành pháp, tư pháp.

- *Nhóm 2*: Làm việc trong các tổ chức hành nghề luật, cung cấp dịch vụ pháp lý như: văn phòng, công ty luật; văn phòng công chứng; văn phòng thừa phát lại; trung tâm trọng tài thương mại; trung tâm hoà giải thương mại.

- *Nhóm 3*: Làm việc tại các viện, trung tâm nghiên cứu; các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước;

- *Nhóm 4*: Làm việc trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế;

- *Nhóm 5*: Làm việc tại các tổ chức khác trong và ngoài nước.

- ***Tâm nhìn***

Hướng tới xây dựng một ban giảng viên có trình độ chuyên môn cao, giỏi chuyên môn, thạo ngoại ngữ, có thái độ đóng góp cho cộng đồng và thúc đẩy học kết hợp với hành. Để thực hiện nhiệm vụ, Khoa Luật hợp tác chặt chẽ với các khoa và viện đào tạo của HUFLIT cũng như với các cơ sở nghiên cứu và giảng dạy luật khác trong khu vực phía Nam và toàn quốc. Nghiên cứu giỏi, hành nghề giỏi sẽ giúp giảng dạy giỏi, từ hệ cử nhân, Khoa Luật sẽ từng bước phát triển đào tạo các bậc sau đại học trong chuyên ngành Luật.

Khoa Luật phát triển theo định hướng kết hợp nghiên cứu với thực hành, phấn đấu đến năm 2030 trở thành: đơn vị đào tạo luật có uy tín của quốc gia, đào tạo các chuyên gia pháp lý có đủ năng lực và tố chất để làm việc trong môi trường hiện đại.

- ***Triết lý giáo dục***

Chú trọng phát triển tính chuyên nghiệp, khả năng sáng tạo và ý thức trách nhiệm trong môi trường giáo dục hội nhập, gắn kết với thực tiễn nghề nghiệp và cộng đồng

I.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

I.5.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Luật có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội, có kiến thức chuyên sâu về pháp luật; có tư duy pháp lý; có các kỹ năng nghề nghiệp cơ bản để có thể nghiên cứu, thực hiện pháp luật tại các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức xã hội, các tổ chức kinh tế; có khả năng tư duy độc lập, tự bổ sung kiến thức học tập ở bậc cao hơn; có khả năng ứng dụng những quy định của pháp luật trong thực tiễn và có kiến thức ngoại ngữ (tiếng Anh) để có thể làm việc

trong môi trường thường xuyên sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh hoặc tự hành nghề liên quan đến pháp luật.

I.5.2. Mục tiêu cụ thể

- **Kiến thức**

PO1: Có những kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội làm cơ sở để sinh viên học tập suốt đời.

PO2: Trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về pháp luật trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội, pháp luật chuyên ngành, pháp luật về thủ tục giải quyết các tranh chấp phát sinh trong xã hội để sinh viên có thể tiếp cận vị trí việc làm trong hệ thống bộ máy nhà nước hoặc hành nghề luật ở ngoài khu vực nhà nước.

PO3: Có kiến thức chuyên ngành tốt để làm việc và học tập nâng cao

- **Kỹ năng**

PO4: Kỹ năng làm việc độc lập và kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp, trình bày và thuyết trình; bước đầu có khả năng phản biện xã hội; có kỹ năng hoàn thành công việc trong những hoàn cảnh, công việc khác nhau đòi hỏi sự vận dụng linh hoạt kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành Luật; phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin, chứng cứ về một sự kiện pháp lý để đưa ra quan điểm, nhận định vấn đề và tổng hợp ý kiến tập thể nhằm đưa ra phương án giải quyết hợp lý; phân tích, đánh giá, tư vấn và giải quyết các tranh chấp trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội;

PO5: Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin tốt vào các công việc chuyên môn của ngành Luật.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

PO6: Có ý thức tổ chức kỷ luật và thực hiện đúng nội quy của tổ chức. Thể hiện bản lĩnh, tự tin, sáng tạo, có năng lực dẫn dắt về chuyên môn trong các lĩnh vực pháp luật; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; luôn có tinh thần tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn; sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

PO7: Có đạo đức nghề nghiệp, tự tin, chủ động, tác phong làm việc chuyên nghiệp

I.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Luật bao gồm 9 chuẩn đầu ra. Một cách tổng quát, sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo ngành Luật sẽ thể hiện được các năng lực mô tả trong các chuẩn đầu ra sau đây:

PLO1: Vận dụng các kiến thức nền tảng khoa học xã hội và kinh tế vào giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến những vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tế cuộc sống

PLO2: Có năng lực giao tiếp bằng ngoại ngữ về chuyên ngành Luật thông qua việc được học các học phần Tiếng Anh chuyên ngành Luật và một số môn chuyên ngành bằng tiếng Anh (500 TOEIC).

PLO3: Vận dụng thành thạo kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết công việc, kỹ năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, kỹ năng hợp tác, khả năng thích ứng nhanh với thay đổi của thực tiễn và khả năng phản biện xã hội để giải quyết những vấn đề phát sinh trong đời sống xã hội có liên quan đến những vấn đề pháp lý.

PLO4: Ứng dụng được các phần mềm tin học, MS Word, MS Excel, Powerpoint... vào các công việc giao tiếp đa phương tiện, tìm kiếm văn bản pháp lý và bản án, bài viết trên cổng thông tin điện tử của Tòa án và trên các trang web chuyên ngành Luật để phục vụ hiệu quả cho việc học tập, thực hành và nghiên cứu các vấn đề pháp lý phát sinh trong đời sống xã hội.

PLO5: Hiểu và vận dụng các kiến thức pháp luật chuyên ngành và kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật để phân tích, tổng hợp và giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể.

PLO6: Có năng lực tự học và học tập suốt đời. Lựa chọn các vấn đề mang tính đạo đức để học tập và nghiên cứu; có đạo đức nghề nghiệp để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các chủ thể trong quan hệ pháp luật.

PLO7: Bước đầu có khả năng tư vấn pháp luật (công ty, ngân hàng, bảo hiểm, thuế, kiểm toán, chứng khoán, tài chính, tài nguyên, môi trường, sở hữu trí tuệ... một các độc lập

PLO8: Có khả năng nhận biết, giải quyết các vấn đề phức tạp của pháp luật của Việt Nam cũng như có được định hướng để tìm hiểu sâu hơn về pháp luật của các nước trên thế giới

PLO9: Có khả năng nhận biết và sử dụng các công cụ, phương pháp thích hợp để giải quyết các tình huống pháp lý; có kỹ năng tiếp nhận và ứng dụng các kết quả nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực pháp luật vào thực tiễn.

Mối liên hệ giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT như bảng 1.2 dưới đây; theo đó người học có thể đạt được mục tiêu chương trình đào tạo nếu đáp ứng các chuẩn đầu ra CTĐT.

Bảng 1.2. Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra (PLOs)								
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
PO1	X					X			
PO2			X		X		X	X	X
PO3					X		X	X	X
PO4			X	X	X		X	X	X
PO5		X		X					
PO6					X	X	X	X	X
PO7					X	X	X	X	X

I.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

Ngành Luật có rất nhiều cơ hội tiếp cận các vị trí việc làm như sau:

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Luật tốt nghiệp tại Khoa Luật có thể:

Vị trí việc làm 1: Chuyên viên pháp chế trong các doanh nghiệp trong và ngoài nước, tổ chức kinh tế, ở các phòng pháp chế, nhân sự, Ban thư ký lãnh đạo doanh nghiệp.

Vị trí việc làm 2: Chuyên viên pháp lý, thư ký nghiệp vụ, trợ lý cho luật sư tại các Công ty Luật, Văn phòng Luật sư, Văn phòng Công chứng, Văn phòng Thừa phát lại,

Trung tâm bán đấu giá tài sản, Trung tâm hòa giải, Trọng tài thương mại, Trợ giúp pháp lý, Chuyên viên tư vấn ở các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

Vị trí việc làm 3: Thư ký, Thẩm tra viên trong Tòa án, Cơ quan Thi hành án dân sự; Chuyên viên, Kiểm tra viên trong Viện kiểm sát nhân dân, Công tác pháp luật trong cơ quan Công an nhân dân.

Vị trí việc làm 4: Chuyên viên pháp chế tại các bộ phận: nhân sự, hành chính, tổng hợp, chính sách, tuyên truyền pháp luật, thư ký lãnh đạo ở các cơ quan: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Sở, phòng, ban các cấp.

Vị trí việc làm 5: Chuyên viên pháp lý trong các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ (NGOs).

Vị trí việc làm 6: Công tác nghiên cứu, báo cáo viên pháp luật trong các cơ sở đào tạo, đơn vị sự nghiệp về lĩnh vực pháp luật, tư vấn hoạch định chính sách công.

Vị trí việc làm 7: Cơ hội nâng cao nghề nghiệp sau khi đáp ứng một số quy định của nhà nước về tiêu chuẩn, điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề hay bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp:

- **Luật sư:** tham gia khóa đào tạo nghề luật sư, trải qua thời gian tập sự hành nghề luật sư, đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự để cấp chứng chỉ hành nghề Luật sư.

- **Thẩm phán:** có thời gian công tác thực tiễn theo quy định, tham gia khóa đào tạo nghiệp vụ xét xử, trải qua kỳ thi tuyển chọn để bổ nhiệm Thẩm phán Quốc gia.

- **Kiểm sát viên:** có thời gian công tác thực tiễn theo quy định, tham gia khóa đào tạo nghiệp vụ kiểm sát, có năng lực thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, trải qua kỳ thi tuyển chọn để bổ nhiệm làm Kiểm sát viên.

- **Chấp hành viên:** có thời gian công tác thực tiễn, tham gia khóa đào tạo nghiệp vụ thi hành án dân sự, đạt kết quả kỳ thi tuyển chọn để bổ nhiệm Chấp hành viên.

- **Công chứng viên, Thừa phát lại, Đấu giá viên:** tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, có thời gian công tác thực tiễn, đạt kết quả tập sự hành nghề để cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định.

- **Công tác giảng dạy pháp luật:** sau khi tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, có thời gian công tác thực tiễn theo quy định.

I.8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

I.8.1. Tiêu chí tuyển sinh

- **PHƯƠNG THỨC 1: Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia**

+ Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

+ Tham gia kỳ thi THPT có điểm 3 môn xét tuyển đảm bảo ngưỡng chất lượng đầu vào của trường.

- **PHƯƠNG THỨC 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập năm lớp 12 THPT**

Tổng điểm 03 môn tham gia xét tuyển (không nhân hệ số) đảm bảo ngưỡng chất lượng đầu vào của trường.

- **Tổ hợp xét tuyển**

Bảng 1.3. Tổ hợp xét tuyển

TT	Mã Ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển (cho cả 2 phương thức)		Ghi chú
			Mã tổ hợp	Tổ hợp	
1	7380101	Luật	D01	Văn, Toán, Tiếng Anh;	
			D66	Văn, Giáo dục công dân, Tiếng Anh;	
			C00	Văn, Sử, Địa;	
			D15	Văn, Địa, Tiếng Anh.	

- **Hình thức nhận hồ sơ**

Thí sinh có thể chọn 01 trong 02 hình thức sau:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường (khuyến khích thí sinh nộp theo phương thức này).

- Nộp qua đường bưu điện. Khi nộp thí sinh ghi rõ nơi nhận: Phòng Tuyển sinh, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 828 Sư Vạn Hạnh, phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 629 232 (số nội bộ: 108, 109). Hotline: 0903 076 072

- **Hồ sơ xét tuyển gồm có**

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu nhận trực tiếp tại trường

- Bản sao học bạ cấp 3 có công chứng;

- Các giấy tờ xác nhận ưu tiên (nếu có)
- Đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT những năm trước, thí sinh cần nộp thêm bản sao bằng tốt nghiệp (có công chứng).

Mọi thắc mắc liên quan công tác nộp hồ sơ xét tuyển hoặc cần tư vấn thêm về ngành đào tạo xét tuyển, vui lòng liên hệ: Phòng Tuyển sinh, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 828 Sur Vạn Hạnh, phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 629 232 (số nội bộ: 108, 109). Hotline: 0903 076 072

Email: tuyensinh@huflit.edu.vn.

I.8.2. Quá trình đào tạo

Sinh viên được đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng Quy chế đào tạo do nhà trường xây dựng theo Quy chế 476/2007/QĐ – ĐNT ngày 30/12/2021 của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Tp.HCM về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ; căn cứ theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học

Chương trình đào tạo thực hiện trong 3,5 năm gồm 9 học kỳ trong đó có 8 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 1 kỳ thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp

I.8.3. Điều kiện tốt nghiệp

- *Trình độ ngoại ngữ*

Sinh viên tốt nghiệp hệ cử nhân đại học ngành Luật đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu 500 điểm của chứng chỉ TOEIC hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.

- *Trình độ tin học*

Sinh viên tốt nghiệp đạt trình độ chứng chỉ tin học MOS (Word, Excel)

- *Điều kiện tốt nghiệp*

Sinh viên tốt nghiệp khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Hoàn thành 136 tín chỉ thuộc chương trình đào tạo ngành Luật
- Hoàn thành chứng chỉ GDTC và GDQP

- Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ (TOEIC 500) và tin học MOS (Word, Excel). Tập trung phát triển mọi nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai quá trình dạy và học. Các chiến lược, phương pháp dạy học này giúp cho việc đạt mục tiêu dạy học hiệu quả.

Nhiều hoạt động dạy và học khác nhau được áp dụng nhằm giúp sinh viên không những có kiến thức nền tảng chuyên môn và kiến thức xã hội mà còn có khả năng sử dụng các kiến thức này để cộng tác với người khác và phát triển năng lực, điểm mạnh của cá nhân. Từ đó hình thành các kỹ năng cá nhân như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

1.9.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được áp dụng gồm:

(1). Giải thích cụ thể (Explicit Teaching): Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giáo viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

(2). Thuyết giảng (Lecture): Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.

(3). Tham luận (Guest lecture): Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giáo viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giảng để giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.

1.9.2. Chiến lược dạy học gián tiếp

Dạy học gián tiếp là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giáo viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này áp dụng gồm: Câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

(4). Câu hỏi gợi mở (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

(5). Giải quyết vấn đề (Problem Solving): Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

(6). Học theo tình huống (Case Study): Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

1.9.3. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm.

Các phương pháp dạy học được áp dụng theo chiến lược dạy học này gồm:

(7). Mô hình (Models): là phương pháp dạy học trong đó, sinh viên thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giáo viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.

(8). Thực tập, thực tế (Field Trip): Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại công trường và các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

(9). Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team): Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học thạc sỹ, tiến sỹ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.

1.9.4. Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy và học trong đó, giáo viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giáo viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giáo viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các kỹ thuật, phương pháp được áp dụng theo chiến lược này gồm:

(10). Tranh luận (Debates): là tiến trình dạy học trong đó giáo viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

(11). Thảo luận (Discussion): Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

(12). Học nhóm (Peer Learning): Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

1.9.5. Tự học

Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

Phương pháp học theo chiến lược này được áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assignment)

(13). Bài tập ở nhà (Work Assignment): Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

1.10. Phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được Khoa Luật thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học, phụ huynh và nhà quản lý. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa Luật đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng môn học để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo của khoa XDCĐ được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

➤ **Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)**

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được áp dụng gồm:

(1). Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học.

(2). Đánh giá bài tập (Work Assignment)

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm

(3). Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)

Trong một số môn học thuộc chương trình đào tạo của Bộ môn Luật, sinh viên được yêu cầu yêu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

➤ **Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)**

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, và đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong loại đánh giá này gồm:

(4). Kiểm tra viết (Written Exam)

Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

(5). Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)

Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

(6). Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)

Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp.

(7). Báo cáo (Written Report)

Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.

(8). Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)

Phương pháp đánh giá này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá tiến trình. Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

(9). Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên.

I.11. Hệ thống tính điểm

Trường HUFLIT sử dụng hệ thống tính điểm để đánh giá sinh viên như sau:

- Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

- Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.

- Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ và cho điểm tổng kết quả học tập của sinh viên.

Bảng 1.4. Hệ thống tính điểm

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	Giỏi	8,5 – 10	A	4
	Khá	7,0 – 8,4	B	3
	Trung bình	5,5 – 6,9	C	2
	Trung bình yếu	4,0 – 5,4	D	1
Không đạt	Kém	< 4,0	F	0

II. Mô tả chương trình đào tạo

II. 1. Cấu trúc chương trình: Chương trình giảng dạy gồm 6 khối kiến thức (theo bảng

2.1):

Bảng 2.1. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Ghi chú
		Bắt buộc	Tự chọn	Cộng	
I	Kiến thức đại cương	35	06	41	- Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng: 165 tiết/môn (không tính vào trong tổng số tín chỉ toàn khóa học)

II	Kiến thức cơ sở khối ngành	21	04	25	
III	Kiến thức ngành Luật	13	04	17	
IV	Kiến thức chuyên ngành	25	04	29	
V	Kiến thức bổ trợ	11	04	15	
VI	Thực tập/khóa luận/học phần thay thế	03	06	09	
Tổng cộng		108	28	136	

- **Khối kiến thức đại cương** (41 tín chỉ) bao gồm các học phần lý luận chính trị, kiến thức khoa học xã hội – nhân văn, tự nhiên, ngoại ngữ cơ bản nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản làm nền tảng cho ngành học.
- **Kiến thức cơ sở khối ngành** (25 tín chỉ) cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng của ngành học làm cơ sở cho sinh viên học tập các học phần chuyên ngành.
- **Kiến thức ngành** (17 tín chỉ) gồm các học phần bắt buộc (15 tín chỉ) và các học phần tự chọn (4 tín chỉ) cung cấp những kiến thức cho sinh viên hiểu và áp dụng được những quy định pháp luật trong các tình huống thực tế.
- **Kiến thức chuyên ngành** (29 tín chỉ) gồm kiến thức quy định pháp luật trong lĩnh vực chuyên ngành. Sinh viên hiểu và vận dụng được quy định pháp luật để tham gia, tư vấn, bào chữa các tranh chấp phát sinh trong thực tế. Sinh viên hiểu và vận dụng được quy định pháp luật để có thể tự hành nghề ở lĩnh vực liên quan đến pháp luật như luật sư, công chứng, tư vấn pháp luật.
- **Kiến thức bổ trợ** (15 tín chỉ) cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu nhằm trang bị cho sinh viên công cụ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ trong các lĩnh vực pháp lý
- **Thực tập/ khóa luận/ các học phần thay thế** (9 tín chỉ) Khối kiến thức này đào tạo cho sinh viên kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên ngành, kiến thức ngành, kiến thức bổ trợ vào thực tế.

Những khối kiến thức trong chương trình như trên được thiết kế sao cho đáp ứng được chuẩn đầu ra của CTĐT, thể hiện trong bảng như sau:

Bảng 2.2. Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỉ lệ (%)	PLOs								
				1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Kiến thức đại cương	41	30,15	L	M	H	H	-	H	M	H	H
II	Kiến thức cơ sở khối ngành	25	18,38	-	H	M	-	-	M	M	M	M
III	Kiến thức ngành	17	12,5	H	H	H	-	M	H	H	M	-
IV	Kiến thức chuyên ngành	29	21,32	H	H	H	-	M	H	H	M	-
V	Kiến thức bổ trợ	15	11,03	L	M	H	M	H	-	H	-	M
VI	Thực tập/khóa luận/học phần thay thế	9	6,62	H	H	M	H	M	H	M	H	H
Cộng		136	100%	H	H	H	H	H	H	H	H	H

Chú thích: H: cao, M: trung bình, L: thấp

II.2. Danh sách các học phần

II.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 41 TC

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
2.1.1. Lý luận chính trị			11	165				
1	1010443	Triết học Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist philosophy</i>	3	45	BB			
2	1010452	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist political economy</i>	2	30	BB			
3	1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	BB			

		<i>Science socialism</i>						
4	1010472	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2	30	BB			
5	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ideology of HoChiMinh</i>	2	30	BB			
Tổng cộng			11	165				
2.1.2. Tiếng Anh cơ bản			9	135				
1		Tiếng Anh cơ bản 1 <i>Basic English 1</i>	3	45	BB			
2		Tiếng Anh cơ bản 2 <i>Basic English 2</i>	3	45	BB			Tiếng Anh cơ bản 1
		Tiếng Anh cơ bản 3 <i>Basic English 3</i>	3	45	BB			Tiếng Anh cơ bản 2
Tổng cộng			9	135				
2.1.3. Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng								
1	1010042	Giáo dục thể chất 1 <i>Physical education 1</i>	2	60	BB			
2	1010182	Giáo dục thể chất 2 <i>Physical education 2</i>	3	90	BB			
3	1010034	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	165	BB			

		<i>Defense and security education</i>							
Tổng cộng			8	Ghi chú: Không tính vào điểm tích lũy					
2.1.4. Tin học			3	90					
	1010083	Tin học đại cương <i>General information</i>	3	90	BB				
Tổng cộng			3	90					
2.1.5. Kiến thức kinh tế, Luật, Khoa học xã hội và nhân văn			18	270					
Bắt buộc			12	180					
1	2310072	Logic học đại cương <i>General logics</i>	2	30	BB				
2	1010513	Kinh tế học <i>Economics</i>	3	45	BB				
3	2310053	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật <i>General theory of State and law</i>	3	45	BB				
4	2312262	Nhập môn Luật học <i>Enter the Law course</i>	2	30	BB				
5	2310222	Luật An sinh xã hội <i>Law on Social Security</i>	2	30	BB				
Tổng cộng			12	180					
Tự chọn (chọn 6/10 TC)			6	90					

1		Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý <i>Legal science research methods</i>	2	30	TC			
2		Tâm lý học tư pháp <i>Criminal psychology</i>	2	30	TC			
3	2310032	Lịch sử các học thuyết kinh tế <i>History of Economic Theories</i>	2	30	TC			
4	2310012	Lịch sử các học thuyết chính trị <i>History of Political Theories</i>	2	30	TC			
	1010342	Quản trị học <i>School of Management</i>	2	30	TC			
	2310062	Quan hệ Kinh tế Quốc tế <i>International Trade Relation</i>	2	30	BB			
Tổng cộng			4	60				

II.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (86 Tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
2.2.1. Kiến thức cơ sở (khối ngành, nhóm ngành, ngành)			25	375				
Bắt buộc			21	330				
1		Luật Dân sự 1 <i>Civil Law 1</i>	3	45	BB			

2		Luật Dân sự 2 <i>Civil Law 2</i>	3	45	BB			
3	2310153	Luật Tố tụng Dân sự <i>Law on Civil Procedure</i>	3	45	BB			
4	2310103	Luật Hiến pháp <i>Constitutionnal of law</i>	3	45	BB			
5		Luật Hành chính <i>Administrative law</i>	3	34	BB			
6		Luật Hình sự 1 <i>Criminal Law 1</i>	2	30	BB			
7		Luật Hình sự 2 <i>Criminal Law 2</i>	2	30	BB			
8		Luật Tố tụng Hình sự <i>Law on Criminal Procedure</i>	2	30	BB			
Tổng cộng			21	315				
Tự chọn (chọn 4/8 TC)								
1		Tư duy pháp lý <i>Legal thinking</i>	2	30	TC			
2		Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng <i>General administrative document drafting skills</i>	2	30	TC			
3		Giáo dục thực hành pháp luật <i>Legal practice education</i>	2	30	TC			
4	2310272	Xã hội học pháp luật <i>Sociological law</i>	2	30	TC			

Tổng cộng			4	60				
2.2.2. Kiến thức ngành			17	255				
Bắt buộc			13	195				
1		Luật Thương mại 1 <i>Commercial law 1</i>	2	30	BB			
2		Luật Thương mại 2 <i>Commercial law 2</i>	2	45	BB			
3	2310202	Công pháp Quốc tế <i>Public International Law</i>	2	30	BB			
4	2310212	Tư pháp Quốc tế <i>International Judiciary</i>	2	30	BB			
5	2310133	Luật Lao động <i>Labour law</i>	3	45	BB			
6	2313092	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp <i>Law on corporate finance</i>	2	30	BB			
Tổng cộng			13	195				
Tự chọn (Chọn 4/8 TC)			4	60				
1	1010532	Luật so sánh <i>Comparative Law</i>	2	30	TC			
2	2311152	Pháp luật về chứng khoán <i>Law on securities</i>	2	30	TC			
3	2311202	Luật Kinh doanh bất động sản <i>Real Estate Business Law</i>	2	30	TC			
4		Pháp luật về công chứng, chứng thực và thừa phát lại	2	30	TC			

		<i>Law on notarization, authentication and bailiff</i>						
Tổng cộng			4	60				
2.2.3. Kiến thức chuyên ngành			29	335				
Bắt buộc			25	345				
1	2310242	Luật Hôn nhân và Gia đình <i>Marriage and Family Law</i>	2	30	BB			
2		Luật Tố tụng Hành chính <i>Administrative Procedure Law</i>	2	30	BB			
3	2311022	Luật Đầu tư <i>Law on Investment</i>	2	30	BB			
4	2310162	Luật Đất đai <i>Land Law</i>	2	30	BB			
5		Luật Thương mại quốc tế <i>International trade law</i>	2	30	BB			
6		Luật sở hữu trí tuệ <i>Intellectual property law</i>	2	30	BB			
7	2311192	Pháp luật về Giao dịch bảo đảm <i>Law on security transactions</i>	2	30	BB			
8		Luật Cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng <i>Competition Law and Consumer Protection</i>	3	45	BB			
9		Tội phạm học <i>Criminology</i>	2	30	BB			

10		Án lệ và áp dụng án lệ <i>Case precedent and application of precedent</i>	2	30	BB			
11		Luật Quốc tế về quyền con người <i>International Law on Human Rights</i>	2	30	BB			
12	2311243	Luật thi hành án dân sự <i>Civilian law enforcement</i>	2	30	BB			
Tổng cộng			25	345				
Tự chọn (Chọn 4/8 TC)			4	60				
1		Pháp luật thanh tra và khiếu nại tố cáo <i>Law on Inspection, Complaint and Denouncement</i>	2	30	TC			
2		Pháp luật về phòng chống tham nhũng <i>Law on anti-corruption</i>	2	30	TC			
3		Luật Hình sự quốc tế <i>International Criminal Law</i>	2	30	TC			
4		Luật Biển quốc tế hiện đại <i>Modern international law of the sea</i>	2	30	TC			
Tổng cộng			4	60				
2.2.4. Kiến thức bổ trợ			15	225				
Bắt buộc			11	165				

1	2310503	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực công <i>Legal English on public laws</i>	3	45	BB			
2	2310513	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tư <i>Legal English on private laws</i>	3	45	BB			
3	2310523	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tố tụng và giải quyết tranh chấp <i>Legal English on legal procedures and dispute settlement</i>	3	45	BB			
4	2310503	Soạn thảo và dịch thuật văn bản pháp lý <i>Legal documets drafting and translation</i>	2	30	BB			
Tổng cộng			11	165				
Tự chọn (4/8 TC)			4	60				
1	2311222	Luật Môi trường <i>Environment law</i>	2	30	TC			
2		Luật Ngân hàng <i>Banking Law</i>	2	30	TC			
3		Pháp luật Thương mại điện tử <i>Law on e-commerce</i>	2	30	TC			
4	2311062	Luật Kinh doanh bảo hiểm <i>Law on Insurance business</i>	2	30	TC			
Tổng cộng			4	60				

II.2.3. Kiến thức tốt nghiệp (9 Tín chỉ):

Thực tập và khóa luận tốt nghiệp			9	135				
1	2313013	Thực tập tốt nghiệp <i>Graduation internship</i>	3	45	BB			
2	2313026	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation thesis</i>	6	90	TC			
Tổng cộng			9	135				
Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp thì chọn các học phần thay thế (học 6/12 tín chỉ)			6	90				
		Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng <i>Contract negotiation, drafting and execution skills</i>	2	30	TC			
		Pháp luật về luật sư, kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng <i>Lawyer, Legal Advice and Litigation Skills</i>	2	30	TC			
		Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế, tài chính doanh nghiệp <i>Skills in consulting tax law, corporate finance</i>	2	30	TC			
	2311492	Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực đất đai <i>Counseling skills in the field of land</i>	2	30	TC			

		Kỹ năng giải quyết các tranh chấp dân sự, thương mại bằng trọng tài <i>Skill in solving civil and commercial cases by arbitration</i>	2	30	TC			
		Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án hành chính <i>Skills involved in solving administrative cases</i>	2	30	TC			
Tổng cộng			6	90				

II.2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT

Ghi chú:

H: Mức đáp ứng của học phần cho CĐR của CTĐT là “Cao”

M: Mức đáp ứng của học phần cho CĐR của CTĐT là “Trung bình”

L: Mức đáp ứng của học phần cho CĐR của CTĐT là “Thấp”

Bỏ trống hoặc “-”: Học phần không đáp ứng cho CĐR của CTĐT

ST T	Mã HP	Tên học phần	Đáp ứng chuẩn đầu ra								
			PLO1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9
I. Học phần đại cương											
1	1010443	Triết học Mác – Lênin	H		M						
2	1010452	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	H		M						
3	1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học	H		M						
4	1010472	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	H		M						

5	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh	H		M						
6		Tiếng Anh cơ bản 1		H				M			
7		Tiếng Anh cơ bản 2		H				M			
8		Tiếng Anh cơ bản 3		H				M			
9	1010342	Quản trị học	H								M
10	2310072	Logic học đại cương	H					M			M
11	1010513	Kinh tế học	H	M				M			M
12	2310062	Quan hệ Kinh tế Quốc tế	M		M		H				
13	2310053	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	M		M		H				
14	2312262	Nhập môn Luật học	M		M		H				
15	2310222	Luật An sinh xã hội	H		H	M	H	H			
16	1010083	Tin học đại cương	H			H		M			
17	1010042	Giáo dục thể chất 1						M			
18	1010182	Giáo dục thể chất 2						M			
19	1010034	Giáo dục Quốc phòng						M			
20		Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	M		M		H				
21		Tâm lý học tội phạm	M		M		H				
22	2310032	Lịch sử các học thuyết kinh tế	H								
23	2310012	Lịch sử các học thuyết chính trị	H								

II. Kiến thức cơ sở khối ngành Luật

24		Luật Dân sự 1	H		H	M	H	H	M	H	H
25		Luật Dân sự 2	H		H	M	H	H	M	H	H
26	2310153	Luật Tố tụng Dân sự	H		H	M	H	H	M	M	H
27	2310103	Luật Hiến pháp	M		M	M	H	M			
28		Luật Hành chính	M		M	M	H	M			
29		Luật Hình sự 1	H		M	M	H	H	H		M
30		Luật Hình sự 2	H		M	M	H	H	H		M
31		Luật Tố tụng Hình sự	M		M	M	H	H	M	M	H
32		Tư duy pháp lý	M		M		H				

33		Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	M		M		H				
34		Giáo dục thực hành pháp luật	M		M		H				
35	2310272	Xã hội học pháp luật	M		M		H				
III. Kiến thức ngành Luật											
36		Luật Thương mại 1	H		H	M	H	H	M	H	H
37		Luật Thương mại 2	H		H	M	H	H	M	H	H
38	2310202	Công pháp Quốc tế	M			M	H	H	M	M	M
39	2310212	Tư pháp Quốc tế	M			M	H	H	M	M	M
40	2310133	Luật Lao động	H		H	M	H	H	M	H	H
41	2313092	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	H		H		H	H	H	H	M
42	1010532	Luật so sánh	H		H	M	H	H	M	H	H
43	2311152	Pháp luật về chứng khoán	H		H	M	H	H	M	M	M
44	2311202	Luật Kinh doanh bất động sản	H		H	M	H	H	H	H	M
45		Pháp luật về công chứng, chứng thực và thừa phát lại	H		H	M	H	H	M	H	H
IV. Học phần chuyên ngành											
46	2310242	Luật Hôn nhân và Gia đình	H		M	M	H	H	H	H	H
47		Luật Tổ tụng Hành chính	H		H	M	H	H	M	M	H
48	2311022	Luật Đầu tư	H		H	M	H	H	M	M	M
49	2310162	Luật Đất đai	H		H	M	H	M			
50		Luật Thương mại quốc tế	H		H	M	H	M	M		
51		Luật sở hữu trí tuệ	H		H	M	H	M	M		
52	2311192	Pháp luật về Giao dịch bảo đảm	M		M	M	H	H	H		

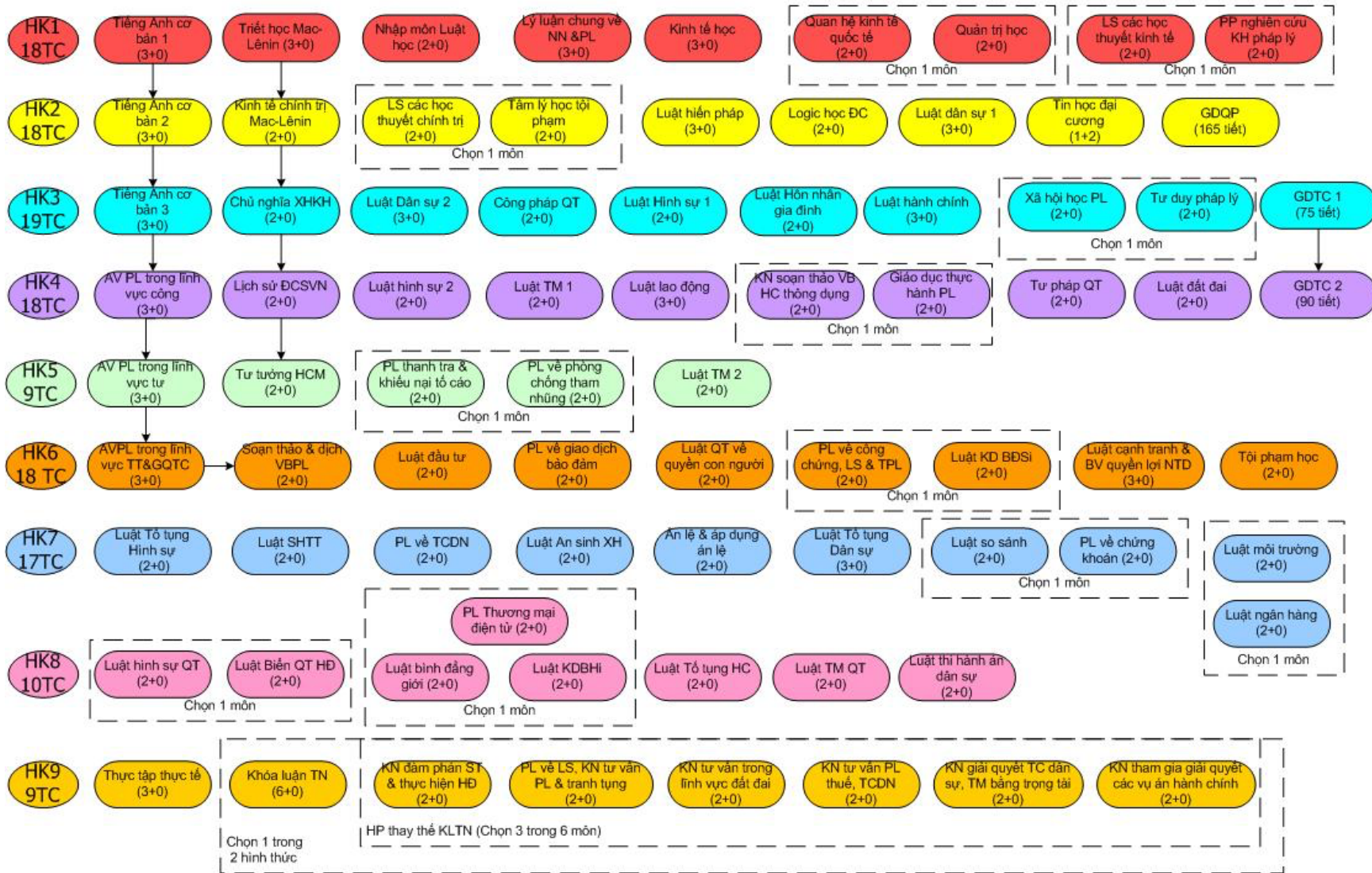
53		Luật Cảnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	H		H	M	H	H	M	H	M
54		Tội phạm học	H		H	M	H	H	M	H	M
55		Án lệ và áp dụng án lệ	H		H	M	H	H	M	H	M
56		Luật Quốc tế về quyền con người	H		H	M	H	H	M	H	M
57	2311243	Luật thi hành án dân sự	H		H	M	H	M			
58		Trách nhiệm Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	H		H	M	H	H			
59		Pháp luật thanh tra và khiếu nại tố cáo	H		H	M	H	H			
60		Pháp luật về phòng chống tham nhũng	H		H	M	H	H			
61		Luật Hình sự quốc tế	H		H	M	H	H			
62		Luật Biên quốc tế hiện đại	H		H	M	H	H			
V. Kiến thức bổ trợ											
63	2310503	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực công		H	M				M		
64	2310513	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tư		H	M						
65	2310523	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tố tụng và giải quyết tranh chấp		H	M					H	
66	2310503	Soạn thảo và dịch thuật văn bản pháp lý		H	M					M	M
67	2311222	Luật Môi trường	H		M	M	H	H			
68	2311182	Luật Ngân hàng	H		H	M	H	H	M	M	M
69		Pháp luật về thương mại điện tử	M		M	M	M	H	M	H	M
70	2311062	Luật Kinh doanh bảo hiểm	H		H	M	H	M			
71		Luật Bình đẳng giới	H		H	M	H	M			

VI. Kiến thức tốt nghiệp											
72	2313013	Thực tập tốt nghiệp <i>Graduation internship</i>	H	M	H	H	M	H	M	M	M
73	2313026	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation thesis</i>	H	M	H	H	M	H	M	M	M
<i>Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp thì chọn các học phần thay thế</i>											
74		Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng	M		H			H	H	M	H
75		Pháp luật về luật sư, kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng	M		H			H	H	M	H
76		Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế, tài chính doanh nghiệp	M		H			H	H	M	H
77	2311492	Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực đất đai	M		H			H	H	M	H
78		Kỹ năng giải quyết các tranh chấp dân sự, thương mại bằng trọng tài	M		H			H	H	M	H
79		Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án hành chính	M		H			H	H	M	H

II.2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy (cây chương trình):

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ – TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA LUẬT

SƠ ĐỒ CÂY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH LUẬT HỌC
(Áp dụng từ khóa 2022)



II.2.5. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

Năm	Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	BT	TH	Tổng cộng	
I	1	1010443	Triết học Mác – Lênin	3	3	0	0	18	
		1010513	Kinh tế học	3	2	1	0		
		2310262	Nhập môn Luật học	2	1.5	0.5	0		
			Tiếng Anh cơ bản 1	3	3	0	0		
		2310053	Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật	3	2	1	0		
		2310032	Lịch sử các học thuyết kinh tế Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý (Chọn 1 trong 2)	2	2	0	0		
		2310062 1010342	Quan hệ kinh tế quốc tế Quản trị học (Chọn 1 trong 2)	2	1.5	0.5	0		
		2	1010452	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0	0	18
		1010034	Giáo dục quốc phòng						
		1010083	Tin học Đại cương	3	2	0	1		
		2310072	Logic học Đại cương	2	2	0	0		
			Tiếng Anh cơ bản 2	3	3	0	0		
		2310103	Luật Hiến pháp	3	2	1	0		
		2310012	Lịch sử các học thuyết chính trị Tâm lý học tội phạm (Chọn 1 trong 2)	2	2	0	0		
			Luật Dân sự 1	3	2	1	0		
II	1	1010042	Giáo dục thể chất 1					19	

	1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0	
		Luật Dân sự 2	3	2	1	0	
		Luật Hình sự 1	2	1,5	0,5	0	
		Luật Hành chính	3	2	1	0	
	2310242	Luật Hôn nhân và Gia đình	2	1,5	0,5	0	
	2310202	Công pháp quốc tế	2	1,5	0,5	0	
		Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0	0	
	231027	Xã hội học pháp luật Tư duy pháp lý (<i>Chọn 1 trong 2</i>)	2	1.5	0.5	0	
2	1010182	Giáo dục thể chất 2					18
	1010472	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	0	
		Luật Hình sự 2	2	1,5	0,5	0	
	2310212	Tư pháp quốc tế	2	1,5	0,5	0	
	2310133	Luật Lao động	3	2	1	0	
		Luật Thương mại 1	2	1,5	0,5	0	
	2310162	Luật Đất đai	2	1,5	0,5	0	
	2310503	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực công	3	2	1	0	
		Giáo dục thực hành pháp luật Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng (<i>Chọn 1 trong 2</i>)	2	1,5	0,5	0	
3	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0	9
		Luật Thương mại 2	2	1,5	0,5	0	
	2310513	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tư	3	2	1	0	

			Pháp luật thanh tra và khiếu nại tố cáo Pháp luật về phòng chống tham nhũng <i>(Chọn 1 trong 2)</i>	2	1,5	0,5	0	
III	1	2311022	Luật Đầu tư <i>Law on Investment</i>	2	1,5	0,5	0	18
		2311192	Pháp luật về Giao dịch bảo đảm	2	1,5	0,5	0	
			Luật Quốc tế về quyền con người	2	1,5	0,5	0	
		2311362	Pháp luật về công chứng, luật sư và thừa phát lại	2	1,5	0,5	0	
		2311202	Luật Kinh doanh bất động sản <i>(Chọn 1 trong 2)</i>					
		2310523	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tổ tụng và giải quyết tranh chấp	3	2	1	0	
		2310532	Soạn thảo và dịch thuật văn bản pháp lý	2	1	1	0	
			Luật Cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	3	2	1	0	
			Tội phạm học	2	1,5	0,5	0	
			Luật sở hữu trí tuệ	2	1,5	0,5	0	
		2310222	Luật An sinh xã hội	2	1,5	0,5	0	
		2311152	Pháp luật về chứng khoán					
		1010532	Luật so sánh <i>(Chọn 1 trong 2)</i>	2	1,5	0,5	0	

		2313092	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	2	1,5	0,5	0	
			Án lệ và áp dụng án lệ	2	1,5	0,5	0	
		2311222	Luật Môi trường Luật Ngân hàng (Chọn 1 trong 2)	2	1,5	0,5	0	
		2310153	Luật Tố tụng Dân sự	3	2	1	0	
		2310172	Luật Tố tụng Hình sự	2	1,5	0,5	0	
			Luật Thương mại quốc tế	2	1,5	0,5	0	
			Luật Tố tụng Hành chính	2	1,5	0,5	0	
		2311243	Luật thi hành án dân sự	2	1,5	0,5	0	
	3		Luật Hình sự quốc tế Luật Biên quốc tế hiện đại (Chọn 1 trong 2)	2	1,5	0,5	0	10
		2311062	Luật Kinh doanh bảo hiểm Luật bình đẳng giới (Chọn 1 trong 2)	2	1,5	0,5	0	
	1	2313013	Thực tập tốt nghiệp	3	0	0	3	9
		2313026	Khóa luật tốt nghiệp	6	0	0	6	
		Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp thì chọn các học phần thay thế (chọn 3/5 học phần) – 6/10 TC						
IV			Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng	2	1	0	1	6
	1		Pháp luật về luật sư, kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng	2	1	0	1	
			Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế, tài chính doanh nghiệp	2	1	0	1	

		2311492	Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực đất đai	2	1	0	1	
			Kỹ năng giải quyết các tranh chấp dân sự, thương mại bằng trọng tài	2	1	0	1	

II.2.6. Bảng phân công giảng dạy dự kiến

STT	Mã HP	Tên HP	Tên giảng viên	Ghi chú
1	1010443	Triết học Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist philosophy</i>	TS. Phạm Văn Boong ThS. Lại Văn Nam	Khoa Lý luận chính trị
2	1010452	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist political economy</i>	TS. Nguyễn Hồng Hải	Khoa Lý luận chính trị
3	1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Science socialism</i>	ThS. Phan Thị Lệ Hương	Khoa Lý luận chính trị
4	1010472	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	ThS. Nguyễn Thị Mỹ Diệu ThS. Trần Như Cương	Khoa Lý luận chính trị
5	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ideology of HoChiMinh</i>	ThS. Nguyễn Thị Mỹ Diệu	Khoa Lý luận chính trị
6	1010484	Tiếng Anh cơ bản 1 <i>Basic English 1</i>	ThS. Nguyễn Thị Kim Tuyền ThS. Nguyễn Minh Tuấn	Khoa Ngoại ngữ

			ThS. Nguyễn Thị Ái Loan	
7	1010494	Tiếng Anh cơ bản 2 <i>Basic English 2</i>	ThS. Phan Anh Hoàng ThS. Trần Minh Tuấn ThS. Nguyễn Thị Xuyên	Khoa Ngoại ngữ
8	1010504	Tiếng Anh cơ bản 3 <i>Basic English 3</i>	ThS. Nguyễn Hoàng Vương Anh ThS. Nguyễn Minh Tuấn ThS. Nguyễn Mỹ Phương	Khoa Ngoại ngữ
9	1010083	Tin học đại cương <i>General information</i>	ThS. Cao Tiến Thành ThS. Văn Nguyễn Như Tâm	Cơ hữu – Khoa Công nghệ Thông tin Cơ hữu – Khoa Công nghệ Thông tin
10	1010342	Quản trị học <i>School of Management</i>	TS. Nguyễn Văn Phước ThS. Nguyễn Chuẩn Nam ThS. Nguyễn Hoàng Vũ	Cơ hữu-Khoa Quản trị Kinh doanh Cơ hữu - Phòng Đào tạo Cơ hữu-Khoa Quản trị Kinh doanh

			ThS. Nguyễn Duy Trung	Cơ hữu - TT Truyền thông - QTSK
11	2310072	Logic học đại cương <i>General logics</i>	PGS. TS. Trần Mai Ước TS. Hà Thanh Quyền	Mời giảng Mời giảng
12	1010513	Kinh tế học <i>Economics</i>	ThS. Huỳnh Thị Nhi ThS. Nguyễn Thành Luân ThS. Phan Minh Đạt ThS. Nguyễn Duy Trung	Cơ hữu - Phòng Quản trị - Tài vụ Cơ hữu-Khoa Quản trị Kinh doanh Cơ hữu-Khoa Kinh tế Tài chính Cơ hữu-TTTT và QHDN
13	2310062	Quan hệ Kinh tế Quốc tế <i>International Trade Relation</i>	ThS. Cao Tuấn Nghĩa ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	Cơ hữu Cơ hữu
14	2310053	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật <i>General theory of State and law</i>	GVC.TS. Bùi Kim Hiếu PGS.TS. Phan Nhật Thanh ThS. Phạm Thị Diệu Hiền TS. Nguyễn Trọng Tuấn	Cơ hữu Mời giảng Cơ hữu Mời giảng
15	2312262	Nhập môn Luật học <i>Enter the Law course</i>	TS. Võ Trung Tín ThS. Võ Song Toàn	Mời giảng Mời giảng Mời giảng

			ThS. Lưu Phương Thùy	
16	2310222	Luật An sinh xã hội <i>Law on Social Security</i>	GVC.TS. Bùi Kim Hiếu TS. Phạm Hoàng Linh TS. Nguyễn Kiên Bích Tuyền ThS. Bùi Kim Ngân ThS. Lương Minh Sơn	Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng Mời giảng Mời giảng
17		Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý <i>Legal science research methods</i>	ThS. Huỳnh Nữ Khuê Các TS. Lê Nguyễn Gia Thiện	Cơ hữu Mời giảng
18		Tâm lý học Tội phạm <i>Criminal psychology</i>	TS. Vũ Duy Công TS. Võ Thị Bích Hạnh ThS. Văn Nguyễn Như Tâm	Mời giảng Cơ hữu – Khoa Du lịch Khách sạn Cơ hữu
19	2310032	Lịch sử các học thuyết kinh tế <i>History of Economic Theories</i>	PGS. TS. Trần Mai Ước ThS. Hà Thanh Quyền	Mời giảng Mời giảng
20	2310012	Lịch sử các học thuyết chính trị <i>History of Political Theories</i>	PGS. TS. Trần Mai Ước ThS. Hà Thanh Quyền	Mời giảng Mời giảng
21		Luật Dân sự 1 <i>Civil Law 1</i>	GVC.TS. Bùi Kim Hiếu	Cơ hữu

			ThS. Huỳnh Thị Ngọc Xuân Ths. Lê Thị Minh Nguyệt TS. Nguyễn Kiên Bích Tuyền ThS. Phạm Minh Anh	Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng Mời giảng
22		Luật Dân sự 2 <i>Civil Law 2</i>	GVC.TS. Bùi Kim Hiếu ThS. Nguyễn Đức Thắng Ý Ths. Lê Thị Minh Nguyệt TS. Nguyễn Kiên Bích Tuyền ThS. Phạm Minh Anh	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng Mời giảng
23	2310153	Luật Tố tụng Dân sự <i>Law on Civil Procedure</i>	GVC.TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào ThS. Huỳnh Quang Thuận TS. Đặng Thanh Hoa ThS. Trần Quốc Bảo	Mời giảng Mời giảng Mời giảng Cơ hữu
24	2310103	Luật Hiến pháp <i>Constitutionnal of law</i>	ThS. Phạm Thị Diệu Hiền ThS. Phạm Ngọc Anh ThS. Nguyễn Hồng Tú ThS. Vũ Lê Hải Giang	Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng Mời giảng

25		Luật Hành chính <i>Administrative law</i>	ThS. Phạm Thị Diệu Hiền ThS. Võ Thanh Bình Em TS. Phan Minh Phụng	Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng
26		Luật Hình sự 1 <i>Criminal Law 1</i>	TS. Nguyễn Thanh Mận TS. Vũ Thị Thúy ThS. Sin Thoại Khánh ThS. Phạm Định Bảo	Cơ hữu Mời giảng Cơ hữu Cơ hữu
27		Luật Hình sự 2 <i>Criminal Law 2</i>	TS. Nguyễn Thanh Mận TS. Vũ Thị Thúy ThS. Lê Viết Kỳ ThS. Phạm Định Bảo	Cơ hữu Mời giảng Cơ hữu Cơ hữu
28		Luật Tố tụng Hình sự <i>Law on Criminal Procedure</i>	ThS. Ngô Thị Minh Thư PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Hoa ThS. Lưu Phương Nhật Thùy	Cơ hữu Mời giảng Mời giảng
29		Tư duy pháp lý <i>Legal thinking</i>	ThS. Huỳnh Nữ Khuê Các ThS. Phạm Thị Diệu Hiền	Cơ hữu Cơ hữu
30		Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng <i>General administrative document drafting skills</i>	ThS. Huỳnh Nữ Khuê Các ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo	Cơ hữu Cơ hữu

31		Giáo dục thực hành pháp luật <i>Legal practice education</i>	TS. Phạm Hoàng Linh TS. Trần Thị Bích Nga	Cơ hữu Mời giảng
32	2310272	Xã hội học pháp luật <i>Sociological law</i>	TS. Phạm Hoàng Linh ThS. Trần Văn Giáp TS. Trần Thị Bích Nga	Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng
33		Luật Thương mại 1 <i>Commercial law 1</i>	ThS. Võ Thanh Bình Em ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo ThS. Nguyễn Thị Thu Trang ThS. Từ Thanh Thảo	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng
34		Luật Thương mại 2 <i>Commercial law 2</i>	ThS. Võ Thanh Bình Em ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo ThS. Ngô Thị Minh Thư ThS. Từ Thanh Thảo	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng
35	2310202	Công pháp Quốc tế <i>Public International Law</i>	ThS. Dương Minh Truyền ThS. Phạm Hữu Nghĩa ThS. Phạm Thị Hồng My	Cơ hữu Cơ hữu – Phòng CT-TC- CTSV Mời giảng

			PGS.TS. Bành Quốc Tuấn	Mời giảng
36	2310212	Tư pháp Quốc tế <i>International Judiciary</i>	ThS. Dương Minh Truyền ThS. Phạm Hữu Nghĩa ThS. Phạm Thị Hồng My PGS.TS. Bành Quốc Tuấn	Cơ hữu Cơ hữu – Phòng CT-TC- CTSV Mời giảng Mời giảng
37	2310133	Luật Lao động <i>Labour law</i>	GVC.TS. Bùi Kim Hiếu TS. Phạm Hoàng Linh TS. Nguyễn Kiên Bích Tuyên ThS. Bùi Kim Ngân ThS. Lường Minh Sơn	Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng Mời giảng Mời giảng
38	2313092	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp <i>Law on corporate finance</i>	ThS. Văn Diệu Thơ ThS. Phạm Thị Thu TS. Phan Phương Nam ThS. Nguyễn Thị Thanh ThS. Bùi Kim Dung	Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng Cơ hữu Mời giảng
39	1010532	Luật so sánh <i>Comparative Law</i>	ThS. Dương Minh Truyền ThS. Phạm Hữu Nghĩa	Cơ hữu

			ThS. Trình Phạm Đắc Duy	Cơ hữu – Phòng CT-TC- CTSV Cơ hữu
40	2311152	Pháp luật về chứng khoán <i>Law on securities</i>	ThS. Dương Minh Truyền TS. Phan Phương Nam ThS. Nguyễn Trí Cường TS. Nguyễn Thị Xuân Lan	Cơ hữu Mời giảng Cơ hữu Cơ hữu – Khoa Kinh tế Tài chính
41	2311202	Luật Kinh doanh bất động sản <i>Real Estate Business Law</i>	TS. Phạm Hoàng Linh PGS.TS. Hồ Xuân Thắng ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo	Cơ hữu Mời giảng Cơ hữu
42		Pháp luật về công chứng, chứng thực và thừa phát lại <i>Law on notarization, authentication and bailiff</i>	ThS. Huỳnh Nữ Khuê Các TS. Ninh Thị Hiền ThS. Nguyễn Thanh Hiền ThS. Nguyễn Thành Hưng	Cơ hữu Mời giảng Mời giảng Cơ hữu
43	2310242	Luật Hôn nhân và Gia đình <i>Marriage and Family Law</i>	GVC.TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào CN. Phạm Thị Trinh	Mời giảng Cơ hữu

			ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	Cơ hữu
44		Luật Tố tụng Hành chính <i>Administrative Procedure Law</i>	ThS. Phạm Thị Diệu Hiền ThS. Võ Thanh Bình Em TS. Phan Minh Phụng	Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng
45	2311022	Luật Đầu tư <i>Law on Investment</i>	ThS. Võ Thanh Bình Em ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo CN. Chu Ngọc Cẩm Trúc	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu
46	2310162	Luật Đất đai <i>Land Law</i>	TS. Phạm Hoàng Linh CN. Nguyễn Hữu Tấn ThS. Ngô Gia Hoàng TS. Ninh Thị Hiền ThS. Trần Linh Huân	Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng Mời giảng Mời giảng
47		Luật Thương mại quốc tế <i>International trade law</i>	ThS. Cao Tuấn Nghĩa Ths. Nguyễn Hoàng Phương Thảo CN. Đặng Trung Thông	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu
48		Luật sở hữu trí tuệ <i>Intellectual property law</i>	ThS. Lê Thị Minh Nguyệt	Cơ hữu Mời giảng

			GVC.TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào ThS. Cao Tuấn Nghĩa ThS. Huỳnh Nữ Khuê Các	Cơ hữu Cơ hữu
49	2311192	Pháp luật về Giao dịch bảo đảm <i>Law on security transactions</i>	ThS. Huỳnh Nữ Khuê Các ThS. Lê Thị Minh Nguyệt ThS. Phạm Thị Thu	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu
50		Luật Cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng <i>Competition Law and Consumer Protection</i>	GVC.TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào ThS. Cao Tuấn Nghĩa ThS. Lê Việt Kỳ	Mời giảng Cơ hữu Cơ hữu
51		Tội phạm học <i>Criminology</i>	TS. Nguyễn Thanh Mận TS. Phạm Thái TS. Lê Nguyên Thanh ThS. Phạm Định Bảo	Cơ hữu Mời giảng Mời giảng Cơ hữu
52		Án lệ và áp dụng án lệ <i>Case precedent and application of precedent</i>	TS. Nguyễn Thanh Mận ThS. Trình Phạm Đắc Duy TS. Lê Nguyên Gia Thiện	Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng
53		Luật Quốc tế về quyền con người	ThS. Phạm Thị Diệu Hiền	Cơ hữu Cơ hữu

		<i>International Law on Human Rights</i>	TS. Nguyễn Bá Sơn ThS. Ngô Thị Minh Thư	Cơ hữu
54	2311243	Luật thi hành án dân sự <i>Civilian law enforcement</i>	GVC.TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào Ths. Huỳnh Thị Ngọc Xuân TS. Đặng Thanh Hoa	Mời giảng Cơ hữu Mời giảng
55		Pháp luật thanh tra và khiếu nại tố cáo <i>Law on Inspection, Complaint and Denouncement</i>	ThS. Phạm Thị Diệu Hiền ThS. Võ Thanh Bình Em ThS. Trần Quốc Bảo	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu
56		Pháp luật về phòng chống tham nhũng <i>Law on anti-corruption</i>	ThS. Phạm Thị Diệu Hiền ThS. Võ Thanh Bình Em ThS. Sin Thoại Khánh	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu
57		Luật Hình sự quốc tế <i>International Criminal Law</i>	TS. Nguyễn Thanh Mận ThS. Phạm Định Bảo ThS. Trần Văn Giáp	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu
58		Luật Biển quốc tế hiện đại <i>Modern international law of the sea</i>	TS. Ngô Hữu Phước ThS. Dương Minh Truyền TS. Nguyễn Bá Sơn	Mời giảng Cơ hữu Cơ hữu

59	2310503	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực công <i>Legal English on public laws</i>	ThS. Cao Tuấn Nghĩa ThS. Dương Minh Truyền TS. Phạm Hoàng Linh ThS. Văn Diệu Thơ ThS. Cao Thị Bích Ngọc ThS. Nguyễn Nam Trung	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng Mời giảng
60	2310513	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tư <i>Legal English on private laws</i>	ThS. Cao Tuấn Nghĩa ThS. Dương Minh Truyền TS. Phạm Hoàng Linh ThS. Văn Diệu Thơ ThS. Cao Thị Bích Ngọc ThS. Nguyễn Nam Trung	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng Mời giảng
61	2310523	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tố tụng và giải quyết tranh chấp <i>Legal English on legal procedures and dispute settlement</i>	ThS. Cao Tuấn Nghĩa ThS. Dương Minh Truyền TS. Phạm Hoàng Linh ThS. Văn Diệu Thơ ThS. Cao Thị Bích Ngọc ThS. Nguyễn Nam Trung	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng Mời giảng

62	2310503	Soạn thảo và dịch thuật văn bản pháp lý <i>Legal documets drafting and translation</i>	ThS. Cao Tuấn Nghĩa ThS. Dương Minh Truyền TS. Phạm Hoàng Linh ThS. Văn Diệu Thơ ThS. Cao Thị Bích Ngọc ThS. Nguyễn Nam Trung	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng Mời giảng
63	2311222	Luật Môi trường <i>Environment law</i>	ThS. Phạm Ngọc Anh TS. Võ Trung Tín ThS. Trần Linh Huân	Mời giảng Mời giảng Mời giảng
64		Luật Ngân hàng <i>Banking Law</i>	ThS. Văn Diệu Thơ ThS. Bùi Kim Dung TS. Phan Phương Nam ThS. Phạm Thị Thu	Cơ hữu Mời giảng Mời giảng Cơ hữu
65		Pháp luật Thương mại điện tử <i>Law on e-commerce</i>	ThS. Cao Tuấn Nghĩa ThS. Lê Thị Minh Nguyệt ThS. Nguyễn Thị Thu Trang ThS. Nguyễn Trí Cường	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu

66	2311062	Luật Kinh doanh bảo hiểm <i>Law on Insurance business</i>	GVC. TS. Bùi Kim Hiếu CN. Nguyễn Hữu Tấn TS. Bùi Thị Hằng Nga	Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng
67		Luật Bình đẳng giới <i>Law on Gender Equality</i>	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang TS. Đặng Tất Dũng TS. Thái Thị Tuyết Dung CN. Phạm Thị Trinh	Cơ hữu Mời giảng Mời giảng Mời giảng
68		Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng <i>Contract negotiation, drafting and execution skills</i>	GVC. TS. Bùi Kim Hiếu ThS. LS. Khru Thanh Tâm CN. Ngô Thái Cát Tường ThS. Kiều Anh Vũ	Cơ hữu Mời giảng Cơ hữu Mời giảng
69		Pháp luật về luật sư, kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng <i>Lawyer, Legal Advice and Litigation Skills</i>	ThS. Nguyễn Thanh Hiền ThS. Nguyễn Đức Thằng Ý ThS. Lưu Phương Nhật Thùy	Mời giảng Cơ hữu Mời Giảng
70		Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế, tài chính doanh nghiệp <i>Skills in consulting tax law, corporate finance</i>	ThS. Văn Diệu Thơ ThS. Dương Minh Truyền ThS. Bùi Kim Dung	Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng

			TS. Phan Phương Nam CN. Ngô Thái Cát Tường	Mời giảng Cơ hữu
71	2311492	Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực đất đai <i>Counseling skills in the field of land</i>	TS. Phạm Hoàng Linh CN. Đặng Trung Thông ThS. Ngô Gia Hoàng TS. Ninh Thị Hiền	Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng Mời giảng
72		Kỹ năng giải quyết các tranh chấp dân sự, thương mại bằng trọng tài <i>Skill in solving civil and commercial cases by arbitration</i>	GVC.TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào ThS. Huỳnh Quang Thuận TS. Đặng Thanh Hoa ThS. Nguyễn Thành Hưng	Mời giảng Mời giảng Mời giảng Cơ hữu
73		Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án hành chính <i>Skills involved in solving administrative cases</i>	ThS. Phạm Thị Diệu Hiền TS. Đặng Tất Dũng CN. Chu Ngọc Cẩm Trúc	Cơ hữu Mời giảng Cơ hữu

II.2.7. Mô tả các học phần:

1. Triết học Mác – Lênin: 03 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên một cách tương đối có hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của Triết học Mác - Lênin. Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác - Lênin vào nghiên cứu khoa học, cũng như phân tích các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra. Học phần bao gồm 2 lĩnh vực chính:

- Những nguyên lý, quy luật, phạm trù của Chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- Những quy luật, những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên một cách tương đối hệ thống, có chọn lọc những kiến thức cơ bản của môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Trên cơ sở đó, hiểu được các quan điểm của Đảng về đường lối, chính sách kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước ta, góp phần xây dựng, củng cố lòng tin vào Đảng và chế độ XHCN ở nước ta. Tiếp tục bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận và tư duy kinh tế, bước đầu biết vận dụng kiến thức kinh tế chính trị vào việc phân tích các vấn đề kinh tế, xã hội và thực tiễn đất nước. Học phần bao gồm:

-Những nội dung cơ bản về lý luận kinh tế chính trị: Nguồn gốc, quá trình hình thành kinh tế chính trị Mác - Lênin; Lý luận về hàng hóa - tiền tệ và giá trị thặng dư; về chủ nghĩa tư bản hiện đại.

-Các nội dung của kinh tế chính trị thời kỳ quá độ ở Việt Nam: Thời kỳ quá độ và các nội dung nhiệm vụ kinh tế - chính trị, sự vận dụng của Đảng và Nhà nước ta đối với các nhiệm vụ, nội dung của thời kỳ quá độ.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học: 02 tín chỉ

Cùng với các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và các môn học khác giúp sinh viên có nhận thức tổng hợp, toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Môn học bao gồm những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 02 tín chỉ

Giúp cho sinh viên nhận rõ Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, Đảng lấy Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng

và kim chỉ nam cho hành động; một đảng phấn đấu vì độc lập, tự do, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Góp phần bồi dưỡng sinh viên về phương pháp, đạo đức cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sống và chiến đấu vì nhân dân, vì Tổ quốc.

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...)

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới; Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

6. Tiếng Anh cơ bản 1: 03 tín chỉ

Trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ Anh (Nghe-Nói-Đọc-Viết) cho sinh viên trong ngữ cảnh giao tiếp xã hội, khoa học, văn hóa, giáo dục, đạt trình độ và năng lực giao tiếp tiếng Anh trình độ sơ cấp (tương đương chuẩn cấp độ 1/6 khung năng lực ngoại ngữ quốc gia theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

7. Tiếng Anh cơ bản 2: 03 tín chỉ

Trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ Anh (Nghe-Nói-Đọc-Viết) cho sinh viên trong ngữ cảnh giao tiếp xã hội, khoa học, văn hóa, giáo dục đạt trình độ và năng lực giao tiếp tiếng Anh trình độ tiền trung cấp (tương đương chuẩn cấp độ 2/6 khung năng lực ngoại ngữ quốc gia theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

8. Tiếng Anh cơ bản 3: 03 tín chỉ

Trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ Anh (Nghe-Nói-Đọc-Viết) cho sinh viên trong ngữ cảnh giao tiếp xã hội, khoa học, văn hóa, giáo dục, đạt trình độ và năng lực giao tiếp tiếng Anh trình độ trung cấp (tương đương chuẩn cấp độ 3/6 khung năng lực ngoại ngữ quốc gia theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

9. Tin học đại cương: 03 tín chỉ

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức, kỹ năng cơ bản và thiết thực về Công nghệ thông tin: Mạng máy tính và Internet, phòng và chống virus, tổ chức và quản lý các tài nguyên của máy tính, sử dụng hệ điều hành và xử lý các lỗi thông thường, trình duyệt web, thư điện tử. Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để khai thác, sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản, sử dụng phần mềm bảng tính điện tử, phần mềm trình chiếu.

10. Quản trị học: 2 tín chỉ

Hệ thống kiến thức cấu thành nội dung học phần quản trị học bao gồm: Vai trò của quản trị trong nền kinh tế hiện đại; sự phát triển của lý thuyết quản trị; các chức năng quản trị, các công việc của nhà quản trị trong một tổ chức (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra); truyền đạt thông tin trong quản trị; quá trình ra quyết định quản trị; quản trị rủi ro.

11. Logic học đại cương: 02 tín chỉ

Logic học - phần logic hình thức (trong chương trình chi nghiên cứu phần này) là môn khoa học nghiên cứu về các hình thức và quy luật của tư duy nhằm nhận thức đúng đắn thế giới hiện thực khách quan. Trước hết, học phần làm rõ bản chất của khái niệm tư duy và tư duy logic; đối tượng, phương pháp nghiên cứu, khái lược lịch sử và ý nghĩa của việc nghiên cứu logic học; Cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về đặc điểm, kết cấu logic của các hình thức tư duy như: khái niệm, phán đoán, suy luận; Phân tích và chứng minh các thao tác, các quy tắc logic; Làm rõ nội dung, cơ sở khách quan, yêu cầu và ý nghĩa của quy luật tư duy logic; Làm rõ về bản chất và vai trò của giả thuyết, chứng minh, bác bỏ. Ngoài ra, trong mỗi vấn đề, khi học xong phần lí thuyết đều có sự vận dụng những kiến thức logic vào cuộc sống, nhất là vận dụng trong lĩnh vực hoạt động pháp luật.

12. Kinh tế học: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về kinh tế học hiện đại (Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô). Học phần bắt đầu bằng việc giới thiệu những vấn đề cơ bản của hoạt động kinh tế và những phương pháp của khoa học kinh tế. Tiếp đó là phần phân tích cơ bản về một trong những nội dung quan trọng nhất của kinh tế thị trường – cầu, cung, giá cả cân bằng và thực chất của sự điều tiết của cơ chế thị trường cũng như việc Chính phủ tác động và các thị trường. Trên quan điểm phân tích chi phí và lợi ích, học phần đi sâu giải thích hành vi của doanh nghiệp trên các thị trường nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận. Học phần dành một phần quan trọng để luận giải các vấn đề của toàn bộ hệ thống kinh tế. Đó là các vấn đề tổng cầu, tổng cung, sản lượng quốc gia, thất nghiệp và lạm phát. Trên nền tảng này, học phần tập chung luận giải việc sử dụng các công cụ chính sách của Chính phủ (chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương) nhằm ổn định và tăng trưởng kinh tế.

13. Quan hệ kinh tế quốc tế: 3 tín chỉ

Quan hệ kinh tế quốc tế là môn khoa học nghiên cứu quan hệ kinh tế giữa các thực thể công (quốc gia, các tổ chức kinh tế quốc tế) và các thực thể tư (cá nhân, pháp nhân) và một số chủ thể khác, thể hiện ở sự trao đổi quốc tế về hàng hoá, dịch vụ, vốn, khoa học - công nghệ, sức lao động, sự chuyên đổi tiền tệ giữa các quốc gia, các thiết chế và chính sách điều chỉnh các quá trình trao đổi quốc tế nói trên.

Đây là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương ngành Luật thương mại quốc tế, được tiếp cận dưới góc độ là học phần “liên ngành” (bao gồm kinh tế học, kinh tế quốc tế, quan hệ quốc tế, khoa học chính trị, pháp luật thương mại quốc tế...), cùng với học phần Tổng quan về kinh doanh quốc tế, cung cấp những kiến thức đại cương và nền tảng để giúp sinh viên có thể tiếp cận tốt những học phần thuộc khối kiến thức chuyên nghiệp của ngành Luật thương mại quốc tế (như Luật WTO, Pháp luật điều chỉnh thương mại hàng hóa quốc tế, Pháp luật điều chỉnh thương mại dịch vụ quốc tế, Luật đầu tư quốc tế...). Tương tự, học phần này cũng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan hệ kinh tế quốc tế, làm nền tảng và hỗ trợ cho việc nghiên cứu những học phần luật và lĩnh vực pháp luật có liên quan đến kinh tế quốc tế như Công pháp quốc tế, Tư pháp

quốc tế, Pháp luật cộng đồng ASEAN... trong chương trình đào tạo ngành Luật Thương mại quốc tế. Học phần còn giúp cho sinh viên nâng cao kỹ năng phân tích, đánh giá để tìm hiểu những diễn biến kinh tế trên thế giới cũng như công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam.

14. Lý luận về nhà nước và pháp luật: 3 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hình thức, chức năng, bộ máy nhà nước, mối quan hệ nhà nước và cá nhân; mối quan hệ giữa nhà nước, pháp luật và kinh tế, văn hóa, xã hội. Hệ thống các kiến thức cơ bản về pháp luật bao gồm: thuộc tính, chức năng, hình thức, nguồn và nguyên tắc pháp luật; mối quan hệ giữa pháp luật và nhà nước với các phương tiện điều chỉnh, thiết chế xã hội khác; nhà nước pháp quyền, xã hội dân sự. Nội dung học phần đề cập các vấn đề cơ bản về cơ chế điều chỉnh pháp luật; hoạt động xây dựng và thực hiện, áp dụng pháp luật; ý thức pháp luật, văn hóa pháp luật. Các nguyên tắc cơ bản của nhà nước pháp quyền, hệ thống pháp luật trong bối cảnh bối cảnh toàn cầu hóa, kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay.

15. Nhập môn Luật học: 2 tín chỉ

Học phần nghiên cứu về các chuẩn mực, quy tắc đạo đức đặt ra cho những cá nhân và tổ chức hành nghề luật, trong đó trọng tâm nghiên cứu là các tiêu chuẩn đạo đức đối với luật sư và thẩm phán. Học phần cũng nghiên cứu mối quan hệ giữa các chuẩn mực đạo đức nghề luật với sự biến động không ngừng của các hiện tượng xã hội. Đạo đức nghề luật là một trong những học phần về đạo đức nghề nghiệp. Đây là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, nhằm cung cấp cho sinh viên ngành luật những kiến thức bổ trợ cần thiết để có thái độ đúng đắn khi tiếp cận nghiên cứu các ngành khoa học luật và hành nghề luật trong tương lai.

16. Luật an sinh xã hội: 2 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về pháp luật an sinh xã hội như: Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật an sinh xã hội; Quan hệ pháp luật an sinh xã hội; Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm y

tế; Ưu đãi xã hội; Cứu trợ xã hội; Tranh chấp và cơ chế giải quyết tranh chấp an sinh xã hội.

17. Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý: 2 tín chỉ

Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý. Đồng thời học phần cũng trang bị cho học viên những kiến thức lí luận về các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau, cách lựa chọn, phối hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học nhằm đạt mục tiêu nghiên cứu khoa học pháp lý một cách hiệu quả nhất. Học phần còn giúp học viên rèn luyện những kĩ năng cơ bản của việc nghiên cứu khoa học, cách thức thực hiện một công trình nghiên cứu, sử dụng hiệu quả các phương pháp nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực khoa học pháp lý khác nhau.

Học phần cung cấp cho sinh viên các nội dung kiến thức sau đây: Phần thứ nhất, giới thiệu về phương pháp phân tích, giải thích luật viết với các nội dung như khái niệm phương pháp nghiên cứu khoa học luật, nguồn luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam, nguyên tắc phân tích, giải thích luật, vai trò, ý nghĩa của hoạt động nghiên cứu luật, cách thức chuẩn bị cho hoạt động nghiên cứu luật, các phương pháp phân tích và giải thích pháp luật, cách thức giải quyết mâu thuẫn, phương pháp bình luận bản án và giải quyết tình huống pháp lý. Phần thứ hai, giới thiệu về phương pháp thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học luật gồm các nội dung như khái niệm, đặc trưng, ý nghĩa, phân loại công trình nghiên cứu luật, cách xây dựng và phát triển ý tưởng nghiên cứu, cách thức thực hiện và hoàn thành công trình nghiên cứu khoa học luật.

18. Tâm lý học Tội phạm: 02 tín chỉ

Tâm lý học tội phạm là học phần tự chọn đối với sinh viên luật. Đây là học phần chuyên ngành nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về tâm lí và hành vi của người phạm tội, nhóm phạm tội, nhân cách người phạm tội và khía cạnh tâm lí trong phòng ngừa tội phạm. Trên cơ sở đó, người học có thể phân tích, lí giải hành vi phạm tội, xác định biện pháp ứng phó với tội phạm và giải quyết những vấn đề liên quan đến tội phạm, người phạm tội trong hoạt động nghề sau này

19. Lịch sử học thuyết kinh tế: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về lịch sử tư tưởng kinh tế nghiên cứu sự phát sinh, phát triển và chuyển hóa của tư tưởng kinh tế được thể hiện qua các chính sách, các điều luật, các tác phẩm kinh tế... Bắt đầu từ thời Cổ đại với những tư tưởng kinh tế Hy Lạp, Trung Quốc .. sang Chủ nghĩa Trọng thương đã phát triển thành học thuyết kinh tế và thành khoa học kinh tế bắt đầu từ Phái Cổ điển. Sau học thuyết của A.Smith, tư tưởng kinh tế chia thành các khuynh hướng khác nhau, trong đó có hai khuynh hướng chính. Một là thừa nhận và nghiên cứu sự thống nhất các mối liên hệ bên trong và bên ngoài của các sự vật và quan hệ kinh tế. Hai là chỉ thừa nhận và nghiên cứu mối liên hệ bên ngoài. Lịch sử khoa học kinh tế thực chất là lịch sử phát triển của các khuynh hướng này. Đó là khuynh hướng Mác, Mác-xít và Tân Cổ điển, Keynes, Chủ nghĩa tự do mới...

20. Lịch sử học thuyết chính trị: 02 tín chỉ

Lịch sử các học thuyết chính trị cung cấp những tri thức cơ bản về quá trình nảy sinh, hình thành, phát triển, thay thế lẫn nhau của những tư tưởng, quan điểm, học thuyết chính trị tiêu biểu trong lịch sử nhân loại qua các thời đại (cổ đại, trung cổ, cận đại và hiện đại) và lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam

21. Luật Dân sự 1: 03 tín chỉ

Luật Dân sự 1 giới thiệu cho sinh viên các vấn đề chung của Luật Dân sự gồm: hệ thống các khái niệm về đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự, về đặc điểm, nguyên tắc của quan hệ pháp Luật Dân sự; về chủ thể, khách thể, về các căn cứ phát sinh, về nội dung của các quan hệ tài sản và nhân thân; về thay đổi, chấm dứt các quan hệ pháp luật dân sự cụ thể thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự. Nghiên cứu các chế định tài sản, giao dịch dân sự, thời hạn, thời hiệu, đại diện; chế định quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản, chế định thừa kế.

22. Luật Dân sự 2: 03 tín chỉ

Học phần Luật dân sự 2 đa dạng, nhận diện các quan hệ tài sản phổ biến trong xã hội, cung cấp cho người học những kiến thức chuẩn, toàn diện để người học có thể áp dụng được những kiến thức đã được học vào giải quyết những vấn đề có liên quan phát sinh

trong đời sống xã hội như : Khái niệm chung về nghĩa vụ; căn cứ xác lập, chấm dứt, thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ; các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; quy định chung về hợp đồng; hợp đồng chuyển quyền sở hữu tài sản; hợp đồng chuyển quyền sử dụng tài sản; hợp đồng có đối tượng là công việc; nghĩa vụ ngoài hợp đồng; quy định chung về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; bồi thường thiệt hại do hành vi của con người gây ra; bồi thường thiệt hại do tài sản gây ra.

23. Luật tố tụng dân sự: 3 tín chỉ

Luật tố tụng dân sự là môn học cơ bản của chương trình đào tạo cử nhân luật, cung cấp cho người học những kiến thức pháp lí về trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan và tổ chức tại toà án.

Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề lí luận về luật tố tụng dân sự, nội dung các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan tư pháp, bao gồm: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của toà án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại toà án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án...

24. Luật Hiến pháp: 03 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về luật hiến pháp - luật quy định về chế độ chính trị dân chủ ở Việt Nam hiện nay; các cách thức tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo quy định của Hiến pháp đang hiện hành, có đối chiếu với các cách thức tổ chức và hoạt động của các nước trên thế giới. Đó là một nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân công và phối kết hợp giữa 3 quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

25. Luật hành chính: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chung về quản lý nhà nước; trách nhiệm của công chức, viên chức nhà nước; về trách nhiệm hành chính và các thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; cung cấp những kiến thức nền tảng cho việc nghiên cứu các khoa học pháp lý chuyên ngành khác như: Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; luật tố tụng hành chính; xây dựng văn bản pháp luật; luật đất đai; luật tài chính; luật lao động; luật môi trường; luật hôn nhân và gia đình. Môn học bước đầu đặt ra những vấn đề cơ bản nhất trong phòng, chống tham nhũng đối với Việt Nam hiện nay.

26. Luật Hình sự 1: 2 tín chỉ

Luật hình sự 1 là môn học chuyên ngành luật quan trọng, được thiết kế dành cho sinh viên; cung cấp lí luận cơ bản về tội phạm, TNHS và hình phạt là cơ sở khoa học để giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn. Module này gồm 15 vấn đề với 3 tín chỉ. Bao gồm những nội dung: 1. Khái niệm luật hình sự và các nguyên tắc của luật hình sự Việt Nam; 2. Nguồn của luật hình sự Việt Nam; 3. Tội phạm; 4. Các yếu tố của tội phạm và cấu thành tội phạm; 5. Khách thể của tội phạm; 6. Mặt khách quan của tội phạm; 7. Chủ thể của tội phạm; 8. Mặt chủ quan của tội phạm; 9. Các giai đoạn thực hiện tội phạm; 10. Đồng phạm; 11. Các tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi; 12. Trách nhiệm hình sự và hình phạt; Hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp; 13. Quyết định hình phạt; 14. Các chế định liên quan đến việc chấp hành hình phạt; 15. Trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội.

27. Luật Hình sự phần các tội phạm cụ thể: 2 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức các tội phạm của luật hình sự Việt Nam bao gồm: các tội xâm phạm quyền nhân thân của con người; các tội phạm xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân; các tội xâm phạm sở hữu; các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; các tội phạm về môi trường; các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính của nhà nước cũng như trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với từng nhóm tội phạm.

28. Luật tố tụng hình sự: 2 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về luật tố tụng hình sự Việt Nam bao gồm: Khái niệm, nhiệm vụ, các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự và quá trình phát triển của Luật tố tụng hình sự Việt Nam; cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng; chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự; các biện pháp ngăn chặn được áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự; trình tự khởi tố; điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự; giám đốc thẩm, tái thẩm; thủ tục giải quyết vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên; thủ tục áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; thủ tục rút gọn trong việc giải quyết vụ án hình sự và những vấn đề về khiếu nại, tố cáo.

29. Tư duy pháp lý: 02 tín chỉ

Môn học này nhằm trang bị cho người học khả năng tư duy logic, sáng tỏ, độc lập. Giúp người học rèn luyện được óc phán đoán một vấn đề thực tiễn một cách tường minh, tránh những định kiến, tiền định, lối mòn tư duy. Học phần được thiết kế theo nội dung: (i) Nhập môn tư duy pháp lý; (ii) Tư duy, tư duy học, khái niệm và đặc trưng của tư duy pháp lý (iii) Các quy luật cơ bản của tư duy và vấn đề nguy biến trong tranh luận; (iv) Các phương pháp tư duy pháp lý căn bản; (v) Các kỹ thuật phân tích QPPL, lựa chọn nguồn pháp luật, xung đột pháp luật, xử lý lỗ hổng pháp luật và các phương pháp giải thích pháp luật; (vi) Tư duy pháp lý trong hai hệ thống pháp luật lớn trên thế giới.

30. Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng: 02 tín chỉ

Kĩ năng soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng là học phần chuyên đề có tính ứng dụng, cung cấp những kiến thức cơ bản về văn bản hành chính thông dụng từ khái niệm, yêu cầu, chức năng... và kĩ năng soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng điển hình trong những tình huống cụ thể. Học phần được chia thành 2 phần:

-Phần lí thuyết tập trung giới thiệu một số nội dung cơ bản về văn bản hành chính thông dụng, kĩ năng soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng điển hình như: Công văn, tờ trình, báo cáo, biên bản, thông báo, nội quy, quy chế, đề án, kế hoạch...

-Phần thực hành: Trên cơ sở lí thuyết được giới thiệu, sinh viên vận dụng và soạn thảo văn bản hành chính thông dụng để giải quyết các tình huống cụ thể.

31. Giáo dục thực hành pháp luật: 02 tín chỉ

Giáo dục thực hành pháp luật là học phần tự chọn đối với sinh viên luật. Đây là học phần nhằm - giới thiệu quá trình phát triển của hoạt động giáo dục pháp luật thực hành; thảo luận về yêu cầu và vai trò quan trọng của hoạt động thực hành nghề luật; trình bày khái quát những nội dung và phương pháp được sử dụng trong từng hoạt động thực hành được áp dụng trong môn học; thực hiện hoạt động liên quan đến thực hành Giảng dạy pháp luật cho cộng đồng: thảo luận về các phương pháp giảng dạy pháp luật cộng đồng, thảo luận về cách tiếp cận và thiết lập quan hệ với cộng đồng, giao nhiệm vụ thực hiện giảng dạy cụ thể trên thực tế; thực hiện các hoạt động liên quan đến thực hành tư vấn và hỗ trợ pháp lý gồm: về đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp và phỏng vấn khách hàng, kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, kỹ năng quản lý và lưu trữ hồ sơ, kỹ năng tư vấn và giải quyết vấn đề pháp lý.

32. Xã hội học pháp luật: 02 tín chỉ

Xã hội học pháp luật là ngành xã hội học chuyên biệt, nghiên cứu các quy luật và tính quy luật của quá trình phát sinh, tồn tại, hoạt động của pháp luật trong xã hội, trong mối liên hệ với các loại chuẩn mực xã hội khác, nguồn gốc, bản chất xã hội, các chức năng xã hội của pháp luật, các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng, thực hiện và áp dụng pháp luật. Là môn học thuộc khối kiến thức đại cương, xã hội học pháp luật cung cấp, trang bị cho sinh viên luật cách tiếp cận mới - tiếp cận xã hội học đối với các sự kiện, hiện tượng pháp luật xảy ra trong xã hội thông qua việc áp dụng các phương pháp điều tra xã hội học để thu thập, xử lý và phân tích các thông tin thực nghiệm làm sáng tỏ nguồn gốc, nguyên nhân, bản chất của chúng. Xã hội học pháp luật cũng giới thiệu các trào lưu nghiên cứu pháp luật trên thế giới để giúp sinh viên có cái nhìn đối sánh với luật học trong nước; làm rõ mối quan hệ giữa pháp luật với các loại chuẩn mực xã hội khác, như chuẩn mực chính trị, chuẩn mực đạo đức; phân tích, làm nổi bật các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng, thực hiện và áp dụng pháp luật trong thực tế xã hội ở nước ta hiện nay.

Việc học tập, nghiên cứu xã hội học pháp luật chắc chắn sẽ mang lại cho sinh viên luật nhiều điều lí thú, bổ ích, phục vụ thiết thực, trực tiếp cho quá trình học tập và nghiên cứu các môn khoa học pháp lí.

33. Luật Thương mại 1: 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về chủ thể kinh doanh, các cấu phần của lĩnh vực pháp luật này và tập trung vào pháp luật về chủ thể kinh doanh, bao gồm cá nhân kinh doanh, hợp danh và các công ty. Môn học cũng trao đổi các quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, và giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại

34. Luật Thương mại 2: 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức quan trọng trong Luật thương mại bao gồm việc mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thương mại, các hoạt động xúc tiến thương mại, trung gian thương mại, đấu giá hàng hóa, đấu thầu hành hóa dịch vụ, nhượng quyền thương mại và các hoạt động thương mại khác nhằm mục đích lợi nhuận hoặc thực hiện chính sách kinh tế – xã hội

35. Công pháp quốc tế: 2 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên ngành luật những kiến thức về các nguyên tắc cơ bản và các quy phạm pháp luật quốc tế, được xây dựng dựa trên sự nhất trí và tự nguyện của các quốc gia-chủ thể cơ bản của luật quốc tế. Học phần này có thể chia ra làm hai phần: phần chung và phần riêng. Phần chung giới thiệu những lý thuyết cơ bản của công pháp quốc tế như: các nguyên tắc cơ bản; các học thuyết của các học giả; chủ thể của luật quốc tế; lịch sử hình thành và phát triển của luật quốc tế; và sự ảnh hưởng của luật quốc tế đối với pháp luật quốc gia. Phần riêng đề cập đến những vấn đề cụ thể trong quan hệ quốc tế giữa các quốc gia như: luật biển quốc tế; luật nhân đạo quốc tế; luật ngoại giao và lãnh sự; và luật hình sự quốc tế...

36. Tư pháp quốc tế: 2 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức như: Lý luận cơ bản về TPQT với tư cách là một bộ môn khoa học pháp lý và một lĩnh vực pháp luật đặc thù trong hệ thống Pháp luật quốc gia; Vấn đề xung đột pháp luật và áp dụng pháp luật nước ngoài; nguyên tắc cũng như các quy định thực định của Pháp luật Việt Nam về giải quyết xung đột pháp luật trong các lĩnh vực: năng lực pháp luật của cá nhân, pháp nhân; sở hữu; hợp đồng; trách

nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; thừa kế; hôn nhân và gia đình; lao động; Nguyên tắc và các quy định thực chất của Pháp luật Việt Nam điều chỉnh trực tiếp các quan hệ có tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài.

37. Luật lao động; 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về luật Lao động như: Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, các nguyên tắc cơ bản của luật Lao động Việt Nam; Học và dạy nghề; Khái niệm, ý nghĩa, nội dung, hình thức và giao kết hợp đồng lao động; Hợp đồng lao động vô hiệu; Cho thuê lại lao động; Một số vấn đề pháp lý về tiền lương; Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi; An toàn và vệ sinh lao động; Trách nhiệm kỷ luật và trách nhiệm vật chất; Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động; Đình công và giải quyết các cuộc đình công.

38. Pháp luật tài chính doanh nghiệp: 2 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các vấn đề chung về vốn và tài sản của công ty, quản lý đối với hoạt động tài chính doanh nghiệp; và những vấn đề cụ thể như: pháp luật về vốn điều lệ của doanh nghiệp; pháp luật về huy động vốn của doanh nghiệp; pháp luật về quản trị tài chính doanh nghiệp. Pháp luật tài chính doanh nghiệp là môn khoa học pháp lý nghiên cứu quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng nguồn tài chính trong doanh nghiệp giúp người học giải quyết được các tình huống phát sinh trong hoạt động tài chính doanh nghiệp theo pháp luật. Học phần giúp người học có kiến thức nhất định để đánh giá hoạt động tài chính trong doanh nghiệp, vận dụng pháp luật để thúc đẩy quá trình vận động của nguồn tài chính tạo ra lợi ích của chủ sở hữu và những người có lợi ích liên quan trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

39. Luật so sánh: 2 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung sau: Những vấn đề chung về luật so sánh; Truyền thống pháp luật La Mã – Đức; các cơ quan tài phán theo luật công và luật tư, Nguồn luật của các hệ thống pháp luật thuộc truyền thống pháp luật La Mã – Đức; Truyền thống pháp luật Common Law; Truyền thống pháp luật XHCN; Truyền thống pháp

luật Hồi giáo; Hệ thống pháp luật của Pháp luật Trung Quốc và Nhật Bản; Hệ thống pháp luật của một số nước Asean.

40. Pháp luật về chứng khoán: 2 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học những vấn đề lý luận cơ bản về chứng khoán, thị trường chứng khoán, làm rõ thị trường chứng khoán là một trong ba loại thị trường hợp thành thị trường tài chính là hết sức cần thiết cho sinh viên các trường đại học. Nếu như ở các nước phát triển trên thế giới như Mỹ, Anh, Nhật, thị trường chứng khoán và kèm theo nó là pháp luật về thị trường chứng khoán đã ra đời tương đối lâu và là bộ phận pháp luật không thể thiếu của khung pháp luật trong nền kinh tế thì ở Việt Nam, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán là một bộ phận pháp luật hết sức mới mẻ, chưa được quan tâm nghiên cứu nhiều. Điều này được lý giải bởi thị trường chứng khoán ở Việt Nam là một phạm trù kinh tế mới xuất hiện không những về mặt lý thuyết mà cả về mặt thực tiễn.

41. Luật kinh doanh bất động sản: 2 tín chỉ

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật về nhà ở, quyền sở hữu nhà ở, các loại nhà và giao dịch về nhà ở; môn học cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức pháp luật về các loại hình kinh doanh bất động sản, hợp đồng kinh doanh bất động sản

42. Pháp luật về công chứng, luật sư và thừa phát lại: 2 tín chỉ

Pháp luật về công chứng, luật sư, thừa phát lại là môn học mang tính định hướng nghề nghiệp nên phải được học vào năm cuối trước khi đi thực tập sau khi đã học xong hầu hết các môn luật. Môn học trang bị cho học viên kiến thức cơ bản liên quan đến các hoạt động công chứng và Luật sư, thừa phát lại như: Chức năng, nhiệm vụ của công chứng; tiêu chuẩn công chứng viên và các thủ tục bổ nhiệm công chứng viên; Điều kiện và thủ tục hành nghề công chứng; Tổ chức hành nghề công chứng; Các thủ tục công chứng các hợp đồng, giao dịch; công chứng bản dịch, di chúc; Vị trí, vai trò của luật sư trong đời sống xã hội; Luật luật sư và các chế định cơ bản liên quan đến luật sư và nghề luật sư; Những quy định liên quan đến hoạt động hành nghề luật sư; Những quy định về thù lao và chi phí; Tổ

chức hành nghề luật sư; Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư; Pháp luật về tổ chức và hoạt động Thừa phát lại.

43. Luật Hôn nhân và gia đình: 2 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam - một bộ phận quan trọng của hệ thống pháp luật Việt Nam. Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam quy định địa vị pháp lý, chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của cá nhân là chủ thể của quan hệ hôn nhân và gia đình; quyền và nghĩa vụ của các cá nhân về nhân thân và tài sản trong các quan hệ hôn nhân và gia đình, có nhiệm vụ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân trong quan hệ hôn nhân và gia đình, đặc biệt là trẻ em.

44. Luật Tố tụng hành chính: 2 tín chỉ

Môn học giới thiệu về quy trình giải quyết một khiếu kiện hành chính tại tòa án bao gồm các vấn đề về thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ việc hành chính, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia tố tụng; các thủ tục tố tụng hành chính và cuối cùng là thi hành án bản án, quyết định của tòa về vụ án hành chính. Qua đó, sinh viên hiểu biết và nắm được kiến thức cơ bản về tài phán hành chính; ngành luật tố tụng hành chính; quyền và nghĩa vụ pháp lý tố tụng hành chính của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; thẩm quyền, thủ tục giải quyết các vụ án hành chính và thi hành án hành chính.

45. Luật đầu tư: 2 tín chỉ

Môn học luật đầu tư trước hết giới thiệu tới sinh viên các quy định pháp luật cơ bản điều chỉnh các hoạt động đầu tư bao gồm các vấn đề trong quản lý nhà nước về đầu tư như bảo đảm đầu tư, khuyến khích đầu tư, những kiến thức về triển khai dự án đầu tư cũng như giải quyết những vấn đề pháp lý phát sinh trong mỗi dự án đầu tư. Môn học bao gồm các nội dung: Tìm hiểu về quy định pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư; Các loại hình và đặc điểm pháp lý của hoạt động đầu tư; Tìm hiểu về các biện pháp khuyến khích đầu tư; Tìm hiểu về các chế tài đối với hành vi vi phạm trong hoạt động đầu tư; Môn học cũng cung cấp cho sinh viên những kinh nghiệm trong việc tiếp xúc, xử lý những vấn đề pháp lý về đầu tư từ những hồ sơ thực tế.

46. Luật đất đai: 2 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên một cách hệ thống những kiến thức căn bản về sở hữu, quản lý đất đai ở Việt Nam trên cơ sở tính đặc thù của chế độ sở hữu toàn dân về đất đai ở nước ta. Luật đất đai cũng thể hiện dưới góc độ lý luận và thực tiễn về quyền của người sử dụng đất trên cơ sở nghiên cứu các chế độ pháp lý cụ thể, từ đó bao quát các thủ tục hành chính trong quản lý, sử dụng đất đai và trình tự thực hiện các quyền của người sử dụng đất. Bên cạnh đó, học phần còn mang đến cho sinh viên hệ thống kiến thức về giải quyết tranh chấp đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai, pháp luật về nhà ở và các loại đất có thể tham gia vào thị trường bất động sản.

47. Luật Thương mại Quốc tế: 2 tín chỉ

Môn học luật thương mại quốc tế cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật thương mại quốc tế. Môn học bao gồm 2 phần chính: Luật thương mại quốc tế giữa các quốc gia và luật thương mại quốc tế giữa các thương nhân. Đối với môn học này, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về: (1) Khái niệm giao dịch thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế; (2) Các nguyên tắc cơ bản của WTO và ngoại lệ; (3) Thương mại hàng hoá và các hiệp định của WTO; (4) Thương mại dịch vụ và GATS; (5) Quyền sở hữu trí tuệ và Hiệp định TRIPs; (6) Cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO; (7) Pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế; (8) Pháp luật về thanh toán quốc tế; (9) Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân.

48. Luật sở hữu trí tuệ: 2 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ: khái niệm và điều kiện bảo hộ đối với các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ; trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ, nội dung và giới hạn quyền sở hữu trí tuệ; chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; xác định hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bằng các biện pháp dân sự, hành chính, hình sự và kiểm soát hàng hoá xuất, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ.

49. Pháp luật về giao dịch bảo đảm: 2 tín chỉ

Giao dịch bảo đảm là giao dịch được xác lập với mục đích bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ dân sự. Xét trong mối quan hệ với nghĩa vụ được bảo đảm thì giao dịch bảo đảm có mối quan hệ vừa phụ thuộc, vừa độc lập. Pháp luật hiện hành của Việt Nam đã quy định cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, đặt cọc, ký quỹ, ký cược, tín chấp là các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; đã quy định về cơ chế đăng ký giao dịch bảo đảm. Môn học pháp luật về giao dịch bảo đảm bao gồm các nội dung như sau: Một số vấn đề chung bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

50. Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: 03 tín chỉ

Học phần được thiết kế theo 2 (hai) nội dung chính:

(i) Khái quát chung về hành vi cạnh tranh, pháp luật cạnh tranh: Những vấn đề lí luận chung, xác định hành vi hạn chế cạnh tranh, kiểm soát thoả thuận hạn chế cạnh tranh, cạnh tranh không lành mạnh, tố tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và chế tài;

(ii) Những vấn đề lí luận về bảo vệ người tiêu dùng (NTD) và pháp luật bảo vệ NTD: Thiết chế bảo vệ NTD, trách nhiệm của tổ chức cá nhân kinh doanh hàng hoá dịch vụ, xử lí đối với hành vi vi phạm, giải quyết tranh chấp.

51. Tội phạm học: 02 tín chỉ

Học phần được thiết kế theo 4 nội dung: (i) Khái quát chung về tội phạm học; (ii) Nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm; (iii) Nhân thân người phạm tội; (iv) Phòng ngừa tội phạm.

52. Án lệ và áp dụng án lệ: 02 tín chỉ

Học phần tập trung nghiên cứu và phân tích án lệ, trang bị cho sinh viên hiểu được một trong những kĩ năng cơ bản của các luật gia trong các hệ thống pháp luật Thông luật (Common Law), hệ thống pháp luật Dân luật (Civil Law) và luật gia quốc tế; nhằm khẳng định năng lực làm việc của họ trong môi trường quốc tế.

Học phần cũng trang bị cho sinh viên các kĩ năng về nhận diện và áp dụng án lệ cũng như kĩ năng phân tích và lập luận trong các hệ thống pháp luật Common law, Civil law và trong một số ngành luật của Việt Nam.

53. Luật Quốc tế về quyền con người: 02 tín chỉ

Học phần được thiết kế theo 5 nội dung: (i) Khái quát về quyền con người và Luật quốc tế về quyền con người; (ii) Quyền con người trong lĩnh vực dân sự, chính trị; (iii) Quyền con người trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa; và (iv) Quyền con người của một số đối tượng cụ thể; (v) Cơ chế bảo vệ quyền con người.

54. Luật Thi hành án dân sự: 02 tín chỉ

Học phần LTHADS là học phần cơ bản của chương trình đào tạo đại học luật, cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý cơ bản về trình tự, thủ tục thi hành các bản án, quyết định dân sự của toà án và các bản án, quyết định khác theo quy định của pháp luật. Đối tượng nghiên cứu của học phần là những vấn đề lí luận về LTHADS, nội dung các quy định của pháp luật THADS và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan thi hành án bao gồm: Khái niệm chung về LTHADS; xã hội hoá THADS, các nguyên tắc cơ bản của LTHADS; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức THADS, chấp hành viên và thủ trưởng cơ quan thi hành án; quyền, nghĩa vụ của đương sự và các cá nhân, cơ quan, tổ chức khác trong thi hành án; thời hiệu, thẩm quyền và trình tự, thủ tục THADS; các biện pháp bảo đảm và cưỡng chế THADS; miễn giảm, hỗ trợ tài chính trong THADS, phí và chi phí cưỡng chế THADS; khiếu nại, tố cáo, kháng nghị và xử lí vi phạm trong THADS.

55. Pháp luật thanh tra và khiếu nại tố cáo: 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lí luận và thực tiễn quản lí hành chính nhà nước trong lĩnh vực thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; Người học được trang bị những kiến thức cần thiết để vận dụng pháp luật về quản lí hành chính nhà nước trong lĩnh vực thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo vào thực tiễn công việc của mình.

56. Pháp luật về phòng chống tham nhũng: 02 tín chỉ

Học phần được thiết kế theo 3 nội dung: (i) Khái quát chung về tham nhũng và phòng, chống tham nhũng; (ii) Công ước của Liên Hiệp Quốc về chống tham nhũng; (iii) Pháp luật Việt Nam về phòng chống tham nhũng; (iv) Vấn đề xây dựng và triển khai các biện pháp phòng, chống tham nhũng hiệu quả.

57. Luật Hình sự quốc tế: 02 tín chỉ

Luật hình sự quốc tế là học phần cung cấp một cách khái quát những khía cạnh lý luận về luật hình sự quốc tế, thiết chế tòa án hình sự quốc tế và các tội phạm quốc tế. Học phần sẽ là sự kết hợp giữa một nền tảng về lý luận cơ bản với một vài khía cạnh chuyên sâu về kinh nghiệm thực tiễn trong việc áp dụng luật hình sự quốc tế.

58. Luật Biển quốc tế hiện đại: 02 tín chỉ

Luật biển quốc tế là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về ranh giới và quy chế pháp lý của các vùng biển, bổ sung những kiến thức pháp lý quốc tế chuyên sâu. Học phần được thiết kế theo các nội dung chính:

(i) Các vấn đề lý luận chung về luật biển quốc tế; đường cơ sở trong luật biển quốc tế; các vùng biển trong luật biển quốc tế; phân định biển trong luật biển quốc tế.

(ii) Khai thác chung trong luật biển quốc tế; bảo vệ môi trường biển trong luật biển quốc tế; cơ chế giải quyết tranh chấp theo quy định của Công ước Liên hợp quốc năm 1982 về luật biển.

59. Tiếng Anh pháp lý trong lĩnh vực luật công: 3 tín chỉ

Môn học giúp người học củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trong lĩnh vực pháp lý nói chung và pháp luật công nói riêng. Môn học trước hết giới thiệu đến người học những từ vựng và cách sử dụng từ ngữ tiếng Anh pháp lý trong lĩnh vực luật công (bao gồm những lĩnh vực như luật hiến pháp, luật hành chính, luật hình sự và các lĩnh vực khác khác liên quan đến quản lý nhà nước). Qua các bài học và bài tập tại lớp và ở nhà, người học được làm quen với các cấu trúc câu, các cách thể hiện ngôn ngữ pháp lý bằng tiếng Anh. Môn học cũng là cơ hội để người học củng cố lại các kiến thức pháp lý đã được học trong các môn học khác cũng như cải thiện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh nói chung.

Mục tiêu của học phần là giúp người học có một sự hiểu biết nhất định về pháp luật công, các nguyên tắc của luật công đồng thời có khả năng trình bày những hiểu biết của mình về pháp luật công bằng ngôn ngữ tiếng Anh. Qua những hoạt động trên lớp và các bài tập về nhà, người học được kỳ vọng làm quen với ngôn ngữ pháp lý và các cách thức sử dụng ngôn ngữ đặc thù của ngành luật. Người học bước đầu có thể đọc hiểu và làm việc

trực tiếp trên các tài liệu được trình bày bằng tiếng Anh nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu các môn học khác và chuẩn bị cho công việc trong tương lai.

60. Tiếng Anh pháp lý trong lĩnh vực luật tư: 3 tín chỉ

Môn học giúp người học củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trong lĩnh vực pháp lý nói chung và pháp luật tư nói riêng. Qua các bài học, bài tập trên lớp, người học trước hết được tiếp xúc với hệ thống các từ vựng được sử dụng phổ biến trong các lĩnh vực luật tư (bao gồm luật dân sự, luật thương mại và các lĩnh vực pháp luật liên quan khác). Người học cũng có cơ hội được luyện tập, làm quen với các cấu trúc câu, cách thể hiện các loại văn bản đặc trưng trong những lĩnh vực liên quan như biên bản, hợp đồng các loại, thỏa thuận... bằng tiếng Anh. Môn học cũng tạo điều kiện cho sinh viên củng cố kiến thức về những lĩnh vực luật tư đã học ở các học phần khác cũng như củng cố các kỹ năng tiếng Anh trong học tập và tham gia các kỳ thi.

Kết thúc học phần, người học được trông đợi có thể đọc hiểu, nghe hiểu và làm việc trực tiếp trên những tài liệu tiếng Anh trong lĩnh vực luật tư. Người học cũng có thể trình bày những vấn đề pháp lý cơ bản về luật tư bằng ngôn ngữ tiếng Anh và tự tin xử lý các tài liệu hay tham gia vào các tình huống giao tiếp trong môi trường làm việc tương lai.

61. Tiếng Anh pháp lý trong lĩnh vực tố tụng và giải quyết tranh chấp: 3 tín chỉ

Môn học giúp người học củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trong lĩnh vực pháp lý nói chung và lĩnh vực pháp luật tố tụng và giải quyết tranh chấp nói riêng. Chương trình học hướng người học làm quen với các các từ vựng, các cấu trúc câu và các tình huống phổ biến trong tiến trình tố tụng tại tòa án (tố tụng dân sự, hình sự, hành chính) hoặc giải quyết tranh chấp trong quan hệ dân sự, thương mại, lao động bằng các hình thức khác. Thông qua các bài tập mô phỏng các tình huống tố tụng và giải quyết tranh chấp trong thực tế, người học không chỉ rèn luyện khả năng tiếng Anh mà còn có cơ hội củng cố, cải thiện các kiến thức pháp lý liên quan.

Kết thúc học phần, người học được kỳ vọng nhớ và sử dụng thành thạo các từ vựng, các cấu trúc tiếng Anh đặc thù của ngành luật cũng như có thể trình bày một số vấn đề cơ bản trong lĩnh vực tố tụng và giải quyết tranh chấp bằng tiếng Anh. Từ đó, người học cũng có thể tự tin tham gia vào các tình huống tố tụng/giải quyết tranh chấp bằng tiếng

Anh trong tương lai.

62. Soạn thảo và dịch thuật văn bản pháp lý: 2 tín chỉ

Môn học trang bị cho sinh viên những từ vựng, mẫu câu cũng như những nguyên tắc sử dụng ngôn ngữ trong việc soạn thảo và dịch các văn bản trong lĩnh vực pháp lý như báo cáo, email, hợp đồng, biên bản Các văn bản trong ngành luật không chỉ cần bảo đảm tính chặt chẽ về mặt nội dung mà còn phải chính xác về mặt ngôn ngữ và chuẩn mực trong cách trình bày. Các bài tập, bài học tập trung hướng người học đến việc kết hợp các kiến thức ngành luật đã được học với các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong soạn thảo hoặc dịch thuật văn bản. Người học được kỳ vọng có thể sử dụng tốt các kỹ năng tiếng Anh pháp lý và các kỹ năng mềm khác nhằm đáp ứng các yêu cầu của công việc và các ngành nghề như dịch thuật, soạn thảo và rà soát các hợp đồng, tài liệu pháp lý được trình bày bằng tiếng Anh.

63. Luật môi trường: 2 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên một cách hệ thống những kiến thức căn bản về pháp luật môi trường như: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các nguyên tắc căn bản, những nội dung chính của một lĩnh vực rộng lớn, phức tạp liên quan rất nhiều tới tất cả các hoạt động của các chủ thể trong xã hội. Đó là những nội dung về đánh giá tác động môi trường, nguyên lý phát triển bền vững, các nguyên tắc và biện pháp phòng chống và kiểm soát ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường, tiêu chuẩn môi trường, quản lý chất thải và chất thải nguy hại. Ngoài ra, về mặt thực tiễn, học phần bước đầu còn trang bị cho sinh viên một số kỹ năng phát hiện, tư vấn và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn cuộc sống, khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế.

64. Luật ngân hàng: 2 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản và có hệ thống về các vấn đề lý luận của Luật ngân hàng, nội dung điều chỉnh pháp lý của bộ phận pháp luật này, tạo tiền đề cơ bản cho sinh viên có thể nghiên cứu sâu hơn về lĩnh vực này, đồng thời giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng quát về địa vị pháp lý của Ngân hàng Trung ương, của các tổ chức tín dụng, về thực trạng pháp luật hoạt động ngân hàng của các tổ chức tín dụng, tổ

chức khác có hoạt động ngân hàng. Đây là các bộ phận pháp luật rất quan trọng, điều chỉnh các quan hệ kinh tế thuộc lĩnh vực tiền tệ, tín dụng, ngân hàng, thanh toán, ngoại hối. Trong điều kiện của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, với sự đa dạng của các quan hệ phân phối, sự luân chuyển các nguồn vốn tiền tệ trong nền kinh tế, vai trò của Luật ngân hàng càng trở nên thiết thực hơn.

65. Pháp luật thương mại điện tử: 2 tín chỉ

Môn học pháp luật thương mại điện tử cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật thương mại điện tử Nội dung cơ bản của môn học: Khái quát về thương mại điện tử và pháp luật điều chỉnh; Giao kết, thực hiện hợp đồng thương mại điện tử và chữ ký số; Chứng cứ trong giao dịch điện tử; Khái quát về quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử; Vấn đề bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong thương mại điện tử.

66. Luật Kinh doanh bảo hiểm: 2 tín chỉ

Luật kinh doanh bảo hiểm là môn học quan trọng thuộc chuyên ngành pháp mà sinh viên luật cần nắm vững. Môn học cung cấp các kiến thức pháp luật cơ bản về hoạt động kinh doanh bảo hiểm - lĩnh vực hẹp của chuyên ngành luật tài chính-ngân hàng. Môn học gồm các nội dung chính sau đây: 1. Những vấn đề lí luận cơ bản về pháp luật kinh doanh bảo hiểm; 2. Địa vị pháp lí của các chủ thể kinh doanh bảo hiểm; 3. Địa vị pháp lí của trung gian bảo hiểm; 4. Những vấn đề chung về sản phẩm bảo hiểm; 5. Pháp luật về sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ; 6. Pháp luật về sản phẩm bảo hiểm nhân thọ

67. Luật Bình đẳng giới: 2 tín chỉ

Luật bình đẳng giới là môn học có tính ứng dụng cao trong mọi mặt của đời sống xã hội và gắn với cuộc sống của mỗi cá nhân trong cộng đồng. Môn học được thiết kế theo các nội dung chính:

(i) Các vấn đề mang tính lí luận chung: Khái niệm về giới và luật bình đẳng giới; các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới; khái quát sự phát triển về tư tưởng bình đẳng giới trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

(ii) Những quy định của pháp luật: Bình đẳng giới trong quan hệ gia đình; bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội; các biện pháp đảm bảo thực hiện bình đẳng

giới; các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới và biện pháp xử lý; trách nhiệm thực hiện và đảm bảo bình đẳng giới.

68. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng: 2 tín chỉ

Học phần được thiết kế theo 4 nội dung: (i) Khái quát chung về kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng; (ii) Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng trong lĩnh vực dân sự; (iii) Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng trong lĩnh vực lao động; và (iv) Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng trong lĩnh vực thương mại.

69. Pháp luật về luật sư, kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng: 2 tín chỉ

Học phần được thiết kế theo 3 nội dung: (i) Pháp luật về luật sư và nghề Luật sư; (ii) Kỹ năng tư vấn pháp luật của Luật sư; (iii) Kỹ năng tranh tụng của Luật sư.

70. Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế, tài chính doanh nghiệp: 2 tín chỉ

Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế cung cấp cho người học về kiến thức chung của hoạt động tư vấn pháp luật thuế và hướng dẫn các kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật thuế cho doanh nghiệp. Các kỹ năng này được thực hành trên cơ sở tuân thủ các qui định của pháp luật và tối ưu các khoản tiết kiệm thuế.

Kỹ năng tư vấn pháp luật tài chính doanh nghiệp (DN) là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về để nhận thức và vận dụng các kỹ năng tư vấn pháp luật đối với các quan hệ tài chính DN, tập trung vào các nội dung về tạo lập và sử dụng vốn, quản lý tài sản, doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận của DN.

71. Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực đất đai: 2 tín chỉ

Môn học Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai là môn học mang tính ứng dụng cao. Môn học giúp cho sinh viên nâng cao nhận thức và rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, nhận định và đánh giá hiện tượng, vụ việc trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa pháp luật thực định và thực tiễn triển khai.

Môn học cung cấp những kỹ năng cơ bản, cần thiết, cùng với những kỹ năng riêng, đặc thù để giải quyết những vụ việc, những tình huống phổ biến, điển hình trong lĩnh vực đất đai xảy ra trong thực tế. Trên cơ sở các kỹ năng được trang bị, sinh viên biết vận dụng

để xử lý, giải quyết các vụ việc, các tình huống xảy ra trong thực tế từ đơn giản đến phức tạp; Môn học nhằm hướng tới trang bị cho sinh viên sau khi ra trường có kỹ năng và kiến thức cần thiết trong lĩnh vực đất đai và các lĩnh vực khác có liên quan để làm việc được trong các công ty tư vấn luật, các văn phòng luật sư, các văn phòng công chứng, các trung tâm trợ giúp pháp lý, làm pháp chế cho các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế, các cơ quan nhà nước v.v.

72. Kỹ năng giải quyết các tranh chấp dân sự, thương mại bằng trọng tài: 2 tín chỉ

Kỹ năng giải quyết các tranh chấp dân sự, thương mại bằng trọng tài là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức chuyên sâu về pháp luật, cũng như kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự, thương mại bằng trọng tài và thực tiễn áp dụng giải quyết tranh chấp này trong hoạt động thương mại của các thương nhân, các chủ thể kinh tế. Môn học bao gồm 4 phần: (i) Những vấn đề lý luận chung về giải quyết tranh chấp dân sự, thương mại bằng trọng tài thương mại; (ii) Pháp luật về giải quyết tranh chấp dân sự, thương mại bằng trọng tài thương mại; (iii) Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự, thương mại bằng trọng tài thương mại; (iv) Thực tiễn về giải quyết tranh chấp dân sự, thương mại bằng trọng tài thương mại. Định hướng hoàn thiện pháp luật về trọng tài thương mại tại Việt Nam.

73. Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án hành chính: 2 tín chỉ

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cần thiết về kỹ năng để tham gia giải quyết tranh chấp hành chính bằng phương thức khởi kiện vụ án hành chính; Thông qua các tình huống cụ thể, người học sẽ được thực hành việc áp dụng pháp luật Tố tụng hành chính trong từng giai đoạn Tố tụng để giải quyết vụ án hành chính; thực hành phân tích các vụ án hành chính, đánh giá tính hợp pháp của các quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện.

Môn học sẽ giúp người học có được kỹ năng đề tư vấn cho cá nhân, tổ chức khởi kiện vụ án hành chính; thực hiện việc xác minh thu thập chứng cứ; nghiên cứu hồ sơ vụ án, đánh giá tài liệu, chứng cứ viết luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cá nhân, tổ chức bằng phương thức tranh tụng tại Tòa.